**TUẦN 11 .**

**BÀI 4: TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ**

**Tiết theo PPCT: 43,44**

**VĂN BẢN 1: LỄ XƯỚNG DANH KHOA ĐỊNH DẬU**

**(Thơ trào phúng)**

**(Trần Tế Xương)**

**Chia sẻ với thầy cô: Cho Hs đọc trước Vb: Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng sẽ giúp các em học thể loại này hiệu quả hơn**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng.

- Liên hệ được nội dung Vb với những vấn đề của xã hội đương đại; có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

**b. Năng lực chung** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phát hiện và có hướng ứng xử phù hợp với một vấn đề nảy sinh trong tình huống thực tiễn.

**2. Về phẩm chất**

Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.

**3. Kiến thức**

- Bài thơ miêu tả lễ xướng danh khoa thi Hương tại trường Nam năm 1897- một kì thi nhốn nháo, bê bối, qua đó thể hiện niềm chua xót của kẻ sĩ đương thời trước thời cuộc

- Nghệ thuật đảo ngữ, đối lập, hình ảnh độc đáo, từ ngữ cô đọng

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV/ Hs tham gia trò chơi

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS/ Kết quả trò chơi, thái độ tham gia trò chơi của Hs “Nhìn tranh đoán hiện tượng”

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  1) *Em hãy cho biết những bức ảnh sau nói về vấn đề gì với thái độ như thế nào?*  Cười ra nước mắt xem tranh biếm về mưa ngập - Tuổi Trẻ Online  Nhiều khoản thu lạ đầu năm học, hiệu trưởng nói phụ huynh tự nguyện đóng Triển lãm tranh biếm họa chống tham nhũng là một sự kiện mỹ thuật tiêu biểu  ảnh tham nhũng,nạn tham nhũng,châm biếm,tranh biếm họa,phong bì,tham  tài,ảnh châm biếm,ảnh biếm họa | Châm biếm, Vật, Thảm Góc biếm họa tạp chí VNTN Số 18 Năm 2021  *2) Theo em, em cạnh tranh biếm họa thì còn thể loại nào cũng mượn tiếng cười để thể hiện sự phản ứng với những vấn đề tiêu cực, cái xấu của xã hội không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Gv quan sát, hỗ trợ, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài: Ngày nay, tranh biếm họa là phương tiện nhanh nhất để thể hiện góc nhìn trước những hiện tượng xã hội thiếu chuẩn mực. Nhưng trước đây, vị trí đó lại thuộc về văn chương, trong đó có thơ trào phúng. Chủ điểm 4 chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung này với tên gọi: “Tiếng cười trào phúng trong thơ” | **Gợi ý:**  1. Vượt đèn đỏ  2. Ngập lụt  3. Lạm thu trong trường học  4. Đùn đẩy trách nhiệm  5. Rút ruột công trình  6. Trục lợi từ thiện  🡪 Đây đều là những mặt chưa tốt, chưa đẹp, tiêu cực, xấu xa trong cuộc sống  🡪 Thái độ mỉa mai, châm biếm, tạo tiếng cười nhẹ nhàng. |

**2. Hoạt động tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:**

- Bước đầu nhận ra ý nghĩa của chủ điểm

- Xác định thể loại chính của bài học

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Thái độ của Hs khi tham gia học tập; câu trả lời về tên chủ điểm bài học, thể loại sẽ học

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Đọc phần giới thiệu chủ điểm và cho biết những vấn đề nào được nhắc đến trong phần này?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày ý kiến, hs khác bổ sung, nhận xét (nếu có)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | **I. Giới thiệu bài học**  - Tên bài học: “Tiếng cười trào phúng trong thơ”  - Giới thiệu tiếng cười trào phúng trong thơ  + Mang nhiều sắc thái và cung bậc khác nhau  + Tiếng cười bật ra từ những phản ứng lành mạnh của con người trước cái chưa hay, chưa đẹp, cái tiêu cực, cái xấu.  + Góp phần làm thanh lọc cuộc sống theo cách ý vị, tinh tế và hướng đến chân, thiện, mĩ.  - Giới thiệu các VB sẽ học trong chủ điểm và thể loại VB.  + Văn bản: Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu; Lai Tân, Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng (đọc kết nối chủ điểm)  + Thể loại: Thơ trào phúng (thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật, thất ngôn tứ tuyệt); văn bản thuyết minh.  Nghị luận. |

**2. Hoạt động khám phá tri thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết một số đặc điểm của thơ trào phúng

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *1) Em hãy khát quát lại một vài đặc điểm của thơ thơ thất ngôn bát cú Đường luật và thơ tứ tuyệt Đường luật*  *2) Hs thảo luận nhóm đôi theo PHT số 1 để tìm hiểu về thơ trào phúng*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Khám phá tri thức Ngữ văn**  **1. Củng cố về thơ thất ngôn bát cú Đường luật và thơ tứ tuyệt Đường luật**  **a. Thất ngôn bát cú Đường luật**  - Về bố cục: bài thơ thất ngôn bát cú gồm bốn cặp câu thơ, thường tương ứng với bốn phần: đề - thực -luận - kết ( cũng có thể chia thành hai phần: bốn câu đầu, bốn câu cuối hoặc sáu câu đầu, hai câu cuối)  - Về niêm và luật bằng trắc: Bài thơ phải sắp xếp thanh bằng, thanh trắc trong từng câu và cả bài theo quy định chặt chẽ. Quy định này được tính từ chữ thứ 2 của câu thứ nhất: nếu chữ này là thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng, là thanh trắc thì bài thơ thuộc luật trắc.  - Về vần và nhịp: Bài thơ thất ngôn bát cú chỉ gieo vần là vần bằng ở chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; riêng vần của câu thứ nhất có thể linh hoạt. Câu thơ trong bài thất ngôn bát cú thường ngắt theo nhịp 4/3.  - Về đối: Bài thơ thất ngôn bát cú chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận.  **b. Tứ tuyệt Đường luật**  -Mỗi bài tứ tuyệt Đường luật có bốn câu, mỗi câu có năm chữ hoặc bảy chữ.  - Về bố cục, nhiều bài thơ tứ tuyệt triển khai theo hướng: khởi (mở ý cho bài thơ), thừa (tiếp nối, phát triển ý thơ), chuyển (chuyển hướng ý thơ), hợp (thâu tóm ý tứ của toàn bài).  - Về luật thơ, bài thơ tứ tuyệt cơ bản vẫn tuân theo các quy định như ở bài thơ thất ngôn bát cú nhưng không bắt buộc phải đối.  **2. Thơ trào phúng**  - Về nội dung, thơ trào phúng dùng tiếng cười để phê phán những cái chưa hay chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa,… nhằm hướng con người tới các giá trị thẩm mĩ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp.  - Về nghệ thuật, thơ trào phúng thường sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nói quá,… tạo ra tiếng cười khi hài hước, mỉa mai, châm biếm nhẹ nhàng; lúc đả kích mạnh mẽ, sâu cay. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trước khi đọc**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV/ Hs tham gia trò chơi

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS/ Kết quả trò chơi, thái độ tham gia trò chơi của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Nhà nước phong kiến xưa tổ chức các kỳ thi cho sĩ tử tham gia nhằm mục đích gì?*  *+ Sau cuộc thi (thể thao, nghệ thuật, giáo dục,…) thường sẽ có một buổi lễ xướng danh và trao giải. Mục đích của lễ xướng danh là gì?(Gv trình chiếu một vài hình ảnh)*  Trường THPT Kiến An có 4 học sinh được Thành phố vinh danh trong buổi Lễ  Biểu dương học sinh, sinh viên xuất sắc tiêu biểu TP. Hải Phòng năm 2022. |  Lễ trao giải thưởng Hoa Trạng Nguyên năm 2013 khu vực phía Bắc | ĐẠI HỌC  QUỐC GIA HÀ NỘI  CLB Hà Nội thưởng 3 tỉ đồng cho cầu thủ dự SEA Games 31 và U23 Châu Á*Với mục đích ấy, các buổi lễ xướng danh diễn ra như thnào?*  -HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Gv quan sát, hỗ trợ, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài: Có phải lễ xướng danh nào cũng diễn ra trong không khí trang nghiêm, long trọng hay không? Chúng ta cùng tìm hiểu bài thơ “Lễ xướng dánh Khoa Đinh Dậu. | **Gợi ý:**  1. Nhà nước phong kiến xưa tổ chức các kỳ thi cho sĩ tử tham gia nhằm tìm ra người tài giỏi để phục vụ cho triều đình và nhân dân.  2. Mục đích của lễ xướng danh là khen ngợi những người có tài, đỗ đạt cao được để tên trên bảng vàng.  - Lễ xướng danh diễn ra không không khí trang nghiêm, long trọng. |

**2. Đọc văn bản và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *1) Gv hướng dẫn cách đọc, mời một vài Hs đọc và giải thích một số từ khó*  *2) Hs báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm (đã được phân công từ trước, mỗi tổ sẽ báo cáo về một tác giả bằng các hình thức khác nhau, hs gửi sản phẩm vào nhóm lớp trước khi bắt đầu tiết học)*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân/nhóm  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - Hs chú ý cách ngắt nhịp, ngữ điệu, tốc độ và âm lượng đọc.  - GV nhắc HS chú ý chiến lược đọc .  - Giải thích từ khó.  + Lọ: Ống đựng bút lông.  + Mụ đầm: cách gọi phụ nữ châu Âu với ý giễu cợt.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Trần Tế Xương (1870 – 1907), quê Nam Định  - Là người có tài nhưng lận đận thi cử, đỗ Tú tài nên được gọi là Tú Xương.  - Ông sàn tác chủ yếu thơ Nôm; thơ Tú Xương đậm chất trữ tình và trào phúng, phản ánh rõ bức tranh hiện thực của xã hội thuộc địa nửa phong kiến nước ta cuối Thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.  - Tác phẩm tiêu biểu: Năm mới chúc nhau, Thương vợ, Áo bông che bạn, Sông Lấp,...  **b. Tác phẩm**  - Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật  - Bài thơ viết về khoa thi Hương năm 1897 tại Nam Định, còn có tên gọi khác là Vịnh khoa thi Hương.  - Đề tài: thi cử. |

**3. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bố cục**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Hs thảo luận theo nhóm đôi PHT số 3 để tìm hiểu về bố cục văn bản*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Hs cũng có thể chia 4 câu đầu: cảm xúc ngao ngán khi Nho học ở vào thời điểm mạt vận; 4 câu sau là niềm day dứt trước tình cảnh đất nước bị thực dân Pháp đô hộ. | **III. Khám phá văn bản**  **1. Bố cục**  - Bố cục bốn phần  + Đề (hai câu đầu): nói về sự nhốn nháo của kì thi Hương dù 3 năm mới tổ chức một lần.  🡪 Giới thiệu chung vấn đề nói tới  + Thực (câu 3 và 4): hình ảnh các nhân vật trong kì thi.  🡪 Nêu cụ thể hơn nội dung đã đề cập ở hai câu đầu.  + Luận (câu 5 và 6): sự hiện diện của người nước ngoài “phủ bóng” sĩ tử, quan trường – càng trở nên tội nghiệp, thảm hại  🡪 Bàn luận, mở rộng vấn đề  + Kết (Hai câu cuối) : nhắc nhở các “nhân tài đất Bắc” về thực trạng bi hài của kì thi nói riêng và của dất nước nói chung.  🡪 Tổng kết vấn đề |
| **NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu về hai câu đề**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Em hãy cho biết thời gian và cách thức tổ chức kì thi Hương diễn ra như thế nào? Từ đó nhận xét về chế độ thi cử ở nước ta cuối thế kỉ XIX.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và hoàn thành các PHT  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | **2. Tìm hiểu hai câu đề**  *Nhà nước ba năm mở một khoa*  *Trường Nam thi lẫn với trường Hà*  - Thời gian: Ba năm mở một khoa  🡪 Thời gian dài để chuẩn bị kĩ lưỡng, chu đáo  - Cách thức thi: Trường Nam thi lẫn với trường Hà.  🡪 Lộn xộn  🡺 Chế độ thi cử bát nháo, lôi thôi, thiếu nề nếp, quy củ của đất nước. |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Hai câu thực**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv chia lớp thành các nhóm 4 Hs, nhóm lẽ sẽ thảo luận PHT số 4; nhóm chẵn sẽ thảo luận PHT số 5 để tìm hiểu biện pháp tu từ đảo ngữ và đối lập*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - Sự lôi thôi: Xưa nay, nhắc đến sĩ tử vốn là nhắc đến những người có cốt cách thanh cao, toát ra sự nho nhã, thư sinh, nhưng trong kì thi này lại lôi thôi, lếch thếch  Miệng thét loa: tầm thường bởi những tên quan cũng chỉ như bọn bù nhìn chỉ biết lấy lòng bằng cách la lối – vốn là việc của những kẻ giúp việc dưới quyền. Đó cũng là cách thể hiện bản thân một cách gượng gạo. Nếu là người có thực tài chỉ cần nhìn tướng mạo, khí chất thì người khác tự khắc phải khép nép, cung kính, đâu cần la lối, quát tháo như vậy. | **3. Hai câu thực**  *Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ*  *Ậm ọe quan trường miệng thét loa*  - Đảo ngữ: đưa vị ngữ “lôi thôi” và “ậm ọe” lên trước chủ ngữ “sĩ tử” và “quan trường”.  🡪 Khắc sâu ấn tượng về sự nhếch nhác của các sĩ tử và cách nói năng tỏ vẻ ra oai của đám quan lại. Đồng thời tạo hiệu ứng gây cười: những “nhân tài” trong một kì thi quan trọng của quốc gia (sĩ tử, quan trường) nhưng thật nhếch nhác, thảm hại.  - Đối lập  + Đối thanh điệu: Câu 3 là bằng thì câu 4 sẽ là trắc, và ngược lại.  BBTTBBT  TTBBTTB  + Đối từ loại: Từ láy đối tính từ với tình từ (lôi thôi - ậm ọe), danh từ với danh từ (sĩ tử - quan trường), động từ với động từ (vai đeo lọ - miệng thét loa).  + Đối nội dung:  *Lôi thôi sĩ tử* < - > *ậm ọe quan trường*  (sự nhếch nhác, (nói năng ậm ọe, ấp úng luộm thuộm) nhưng lại tỏ vẻ ra oai)  *Vai đeo lọ* < - > *miệng thét loa*  (Sự lôi thôi) (tầm thường, mất quyền uy)  🡪 Đối tương đồng (có điểm chung về sự tiêu cực, xấu xa)  🡺 Hai câu thực đã khắc họa bức tranh thi cử nhếch nhác, bê bối, ô hợp, làm mất đi vẻ trang trọng của một kì thi tầm kì. Đồng thời phản ánh sự suy vong của một nền học vấn, sự lỗi thời của đạo Nho. |
| **NV4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về Hai câu luận**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ: Hs thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn  *Em hiểu thế nào về hình ảnh “Cờ kéo rợp trời” và “Váy lê quét đất”; Quan sứ và mụ đầm? Theo em tác giả sử dụng biện pháp tư từ gì trong hai câu luận? Hình ảnh và biện pháp nghệ thuật đó thể hiện tiếng cười như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **4. Hai câu luận**  *Cờ kéo rợp trời quan sứ đến*  *Váy lê quét đất, mụ đầm ra*  - Hình ảnh  + “Cờ kéo rợp trời”: ngọn cờ tượng trưng cho quốc gia, đi cùng với quan sứ Pháp là lá quốc kì nước Pháp, được đặt ở đầu câu tạo ấn tượng về sự phô phang, thị oai (rợp trời) của quan sứ.  🡪 tiếng cười đả kích.  + “Váy lê quét đất”: chiếc váy là trang phục của người phụ nữ cũng được đặt ở đầu câu tạo ấn tượng về sự phô trương dến kịch cỡm (quét đất) của bậc mệnh phụ phu nhân - vợ của quan sứ.  🡪 tiếng cười đả kích  - Sự đối lập giữa “quan sứ” - danh xưng của một chức vụ quan trọng, khả kính >< “mụ đầm” -danh xưng thường được dùng với thái độ giễu cợt, khinh thị), quốc kì >< cái váy.  🡪 tiếng cười châm biếm sâu cay. |
| **NV5: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về Hai câu kết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ: Hs thảo luận nhóm đôi  *1) Nhắc đến “nhân tài đất Bắc”, tác giả muốn ám chỉ những đối tượng nào?*  *2) Với từng đối tượng “nhân tài đất Bắc” đó, em cảm nhận được thái độ gì của tác giả?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **5. Hai câu kết**  *Nhân tài đất Bắc nào ai đó*  *Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà*  *- “Nhân tài đất Bắc”:*  *+* Quan trường, sĩ tử 🡪 Những kẻ sẵn sàng bán rẻ đất nước, đội lốt người tài.  + Những người tài giỏi khác trong thời đại ấy/ mọi người Việt Nam có lương tri, biết trăn trở trước tình cảnh của dân tộc.  - Thái độ của tác giả: có 2 trường hợp  + Một là, “nhân tài” mà chẳng phải nhân tài (quan trường/ sĩ tử) 🡪 cười chế giễu  + Hai là, “nhân tài” gồm những người có tài, có tâm với đất nước (những người tài giỏi trong thời đại ấy/ mọi người Việt Nam có lương tri, biết trăn trở trước tình cảnh của dân tộc)🡪 Không có tiếng cười trào phúng, mà là lời tâm sự, nhắn nhủ xót xa của tác giả.  🡺Trong tiếng cười giễu (giễu tài năng của “nhân tài đất Bắc” rởm, giễu những người đã quay lưng lại với tình cảnh của dân tộc) lại có sự xót xa (xót xa cho vận mệnh nước nhà). |
| **NV6: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về Cảm xúc chủ đạo của tác giả**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv sử dụng phương pháp nói to suy nghĩ:  *Cảm xúc chủ đạo của tác giả trong bài thơ này là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **6. Cảm xúc chủ đạo của tác giả**  Bài thơ thể hiện tính song hành trong cảm xúc của tác giả Trần Tế Xương: tiếng cười trào phúng luôn hoà cùng tiếng khóc đau xót - một cảm xúc đặc biệt thường gặp trong các sáng tác của ông. |

**4. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

- Một số lưu ý khi đọc văn bản thơ trào phúng

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Hs làm việc cá nhân*  2) *Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản theo PHT số 6*  *3) Em hãy rút ra một số lưu ý khi đọc văn bản thơ trào phúng*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **IV. Tổng kết**  **1. Nội dung, nghệ thuật**   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | | Bài thơ miêu tả lễ xướng danh khoa thi Hương tại trường Nam năm 1897- một kì thi nhốn nháo, bê bối, qua đó thể hiện niềm chua xót của kẻ sĩ đương thời trước thời cuộc. | Nghệ thuật đảo ngữ, đối lập, hình ảnh độc đáo, từ ngữ cô đọng. |   **2. Một số lưu ý khi đọc văn bản thơ trào phúng**  - Xác định được bố cục và nội dung chính của từng phần  - Nắm được bối cảnh ra đời của tác phẩm để có cái nhìn thấu đáo.  - Xác định được biện pháp tu từ và tác dụng của biện pháp tu từ đó trong câu thơ hoặc trong cặp câu để suy luận được yếu tố trào phúng trong bài thơ  - Nhận biết được thái độ, tình cảm, cảm xúc của tác giả |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Ô chữ bí mật”

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  | **T** | **H** | **Ơ** | **N** | **Ô** | **M** |  |  |  |  | **6** |
| **2** |  |  |  |  |  | **T** | **R** | **À** | **O** | **P** | **H** | **Ú** | **N** | **G** |  |  |  | **8** |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **Đ** | **Ố** | **I** | **L** | **Ậ** | **P** |  |  | **6** |
| **4** |  |  |  |  |  |  |  |  | **B** | **Ằ** | **N** | **G** |  |  |  |  |  | **4** |
| **5** |  |  |  |  |  | **N** | **A** | **M** | **Đ** | **Ị** | **N** | **H** |  |  |  |  |  | **7** |
| **6** |  | **V** | **Ị** | **N** | **H** | **K** | **H** | **O** | **A** | **T** | **H** | **I** | **H** | **Ư** | **Ơ** | **N** | **G** | **16** |
| **7** |  |  |  |  |  |  |  |  | **P** | **H** | **Á** | **P** |  |  |  |  |  | **4** |
| **8** | **M** | **I** | **Ệ** | **N** | **G** | **T** | **H** | **É** | **T** | **L** | **O** | **A** |  |  |  |  |  | **12** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Hàng ngang 1: Tú Xương chủ yếu sáng tác nhiều ở mảng nào?*  *Hàng ngang 2: Tiếng cười được bật ra từ những phản ứng của con người trước cái tiêu cực hoặc xấu xa được gọi là tiếng cười gì?*  *Hàng ngang 3: Hai câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nào?*  *“Lặn lội thân cò khi quãng vắng*  *Eo sèo mặt nước buổi đò đông*  *(Thương vợ - Tú Xương)*  *Hàng ngang số 4: Dựa vào tiếng thứ hai của câu thơ thứ nhất, em hãy cho biết bài thơ Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu được viết theo luật nào?*  *Hàng ngang số 5: Khoa Đinh Dậu 1897 được tổ chức ở đâu?*  *Hàng ngang số 6: Tên gọi khác của bài thơ Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu là gì?*  *Hàng ngang số 7: Quan sứ đại diện cho nước nào?*  *Hàng ngang số 8: Hình ảnh nào trong bài thơ nói về sự bất tài, vô dụng, tầm thường của quan viên người Việt?*  *Em hãy thuyết trình về mối liên hệ giữa từ khóa hàng dọc và bài thơ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn hs trả lời câu hỏi và viết đoạn văn .

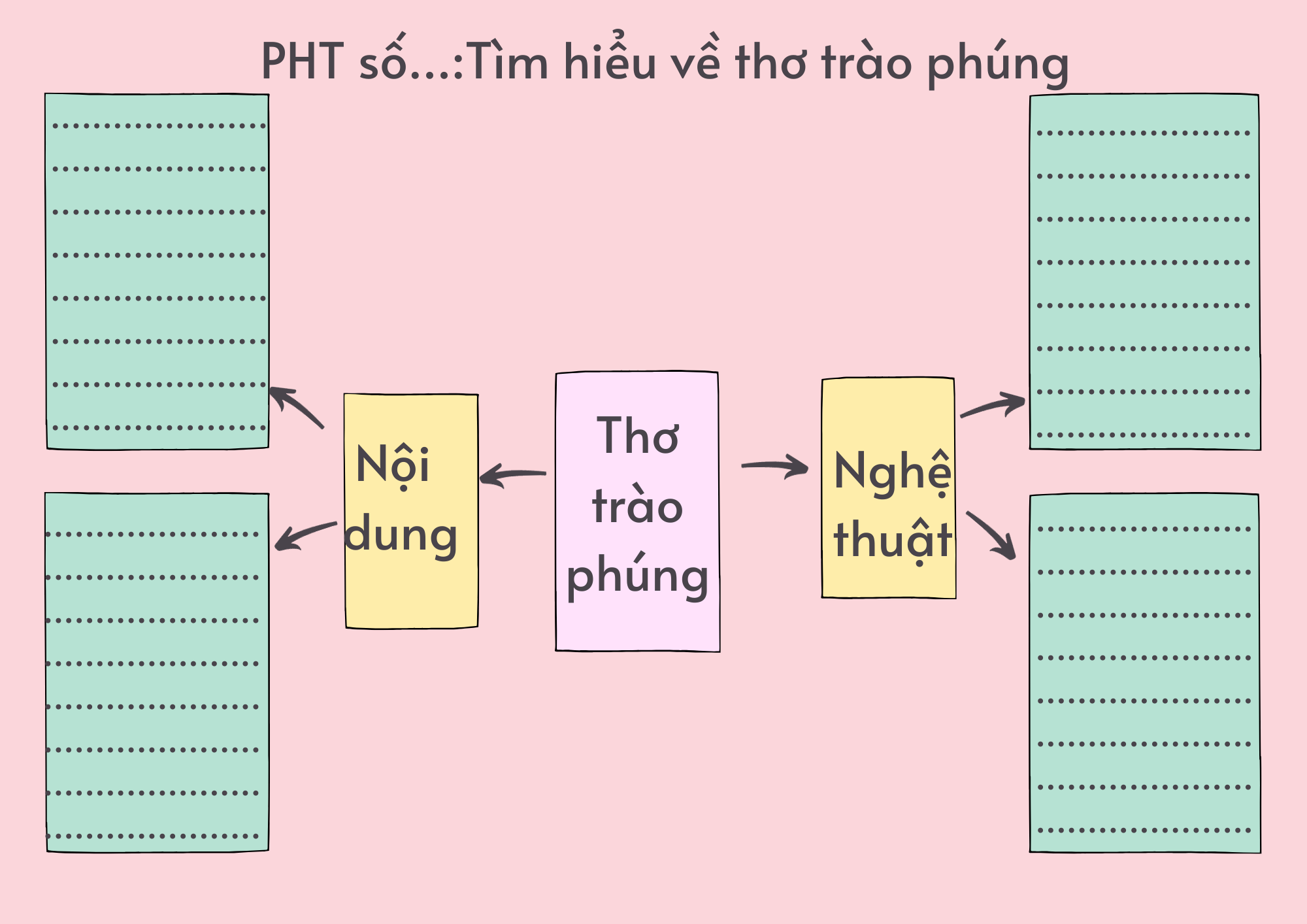
**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và đoạn văn của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:200**

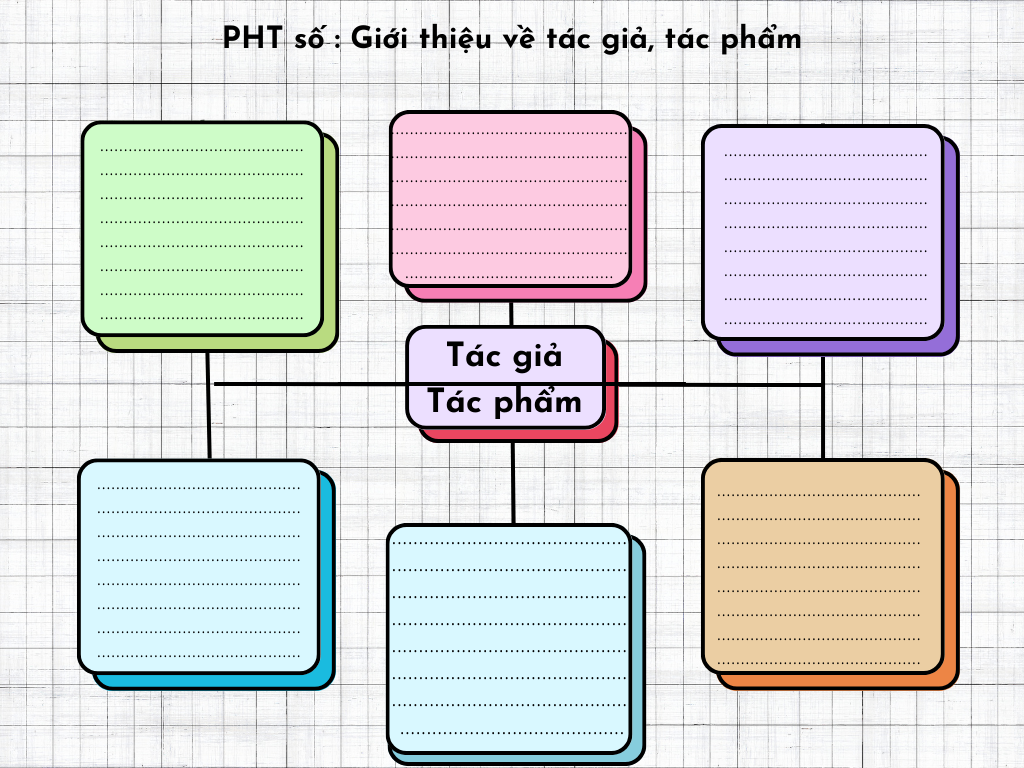
|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *1) Nhân vật nào trong bài thơ để lại ấn tượng cho em nhiều nhất? Vì sao?*  *2) Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích một chi tiết có tính chất trào phúng mà em ấn tượng nhất trong bài thơ Lễ xướng danh khoa* [*Đinh Dậu.*](https://vietjack.com/soan-van-lop-8-kn/viet-doan-van-phan-tich-chi-tiet-co-tinh-chat-trao-phung.jsp)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Bảng kiểm đánh giá đoạn văn**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Yếu tố** |  | **Đ** | **CĐ** | | Nội dung | Chọn được chi tiết có tính chất trào phúng |  |  | | Phân tích làm sáng tỏ chi tiết |  |  | | Rút ra suy nghĩ, cảm nhận |  |  | | Hình thức | Viết đoạn văn đảm bảo dung lượng |  |  | | Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, Liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp |  |  | | Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ |  |  | | Trả lời:  1. Nhân vật để lại ấn tượng sâu sắc nhất là sĩ tử. Bởi vì các sĩ từ trong bài thơ này được khắc họa với dáng dấp lôi thôi, luộm thuộm. Và có lẽ, cái tâm, cái đức, cái trí của họ suy cho cùng cũng tỉ lệ thuận với cái vẻ ngoài nhếch nhác ấy mà thôi. Còn đâu hình ảnh một nhà nho tao nhã, cốt cách thanh cao, chăm lo dùi mài kinh sử. Từ đó cho thấy được sự đau buồn, thất vọng cùng tiếng cười mỉa mai, chua chát của Tú Xương trước thời cuộc đất nước.  2. Chi tiết có tính chất trào phúng nhất phải kể đến là chi tiết về quan sứ và mụ đầm. Tài liệu cũ cho biết, năm đó Toàn quyền Pôn Đu-me và vợ chồng tên Công sứ Nam Định Lơ Noóc-măng đã đến dự. Các ông cử tân khoa, các ông tú mền, tú kép... phải cúi rạp mình xuống mà lạy ông Tây, lạy mụ đầm “váy lê quét đất”, “trên ghế... ngoi đít vịt”. Cái nhục của hàng vạn sĩ tử Bắc Hà không thể nào kể hết:  Lọng cắm rợp trời, quan sứ đến,  Váy lê quét đất, mụ đầm ra.  Tây thực dân đang đè đầu cưỡi cổ dân ta. Hình ảnh “Lọng cắm rợp trời” gợi tả cảnh đón tiếp dành cho “quan sứ”, lũ ăn cướp đất nước ta, một nghi lễ cực kỳ long trọng. Đó là nỗi đau mất nước. Từ xưa tới năm ấy (1897) chốn trường thi là nơi tôn nghiêm, lễ giáo phong kiến vốn trọng nam khinh nữ, đàn bà đâu được bén mảng đến nơi kén chọn nhân tài. Thế mà bây giờ, không chỉ “mụ đầm ra” mụ đầm đến với “váy lê quét đất” mà còn bày ra giữa thanh thiên bạch nhật một nghịch cảnh vô cùng nhục nhã. |

**IV. Phụ lục**

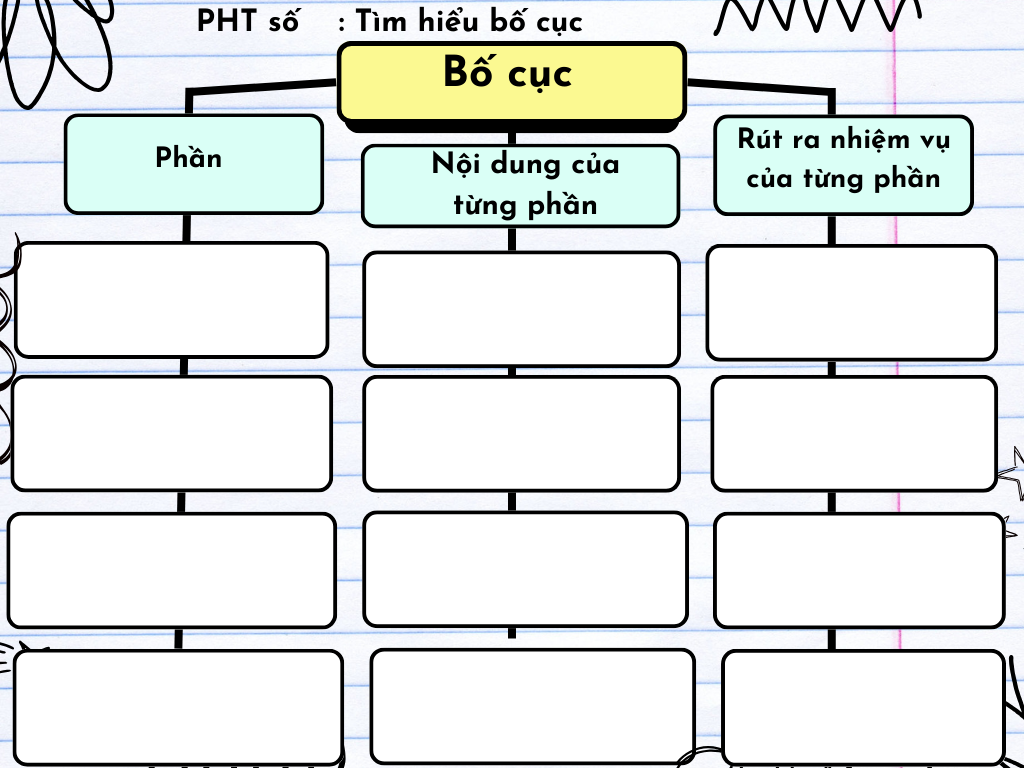
**PHT SỐ 1**

****

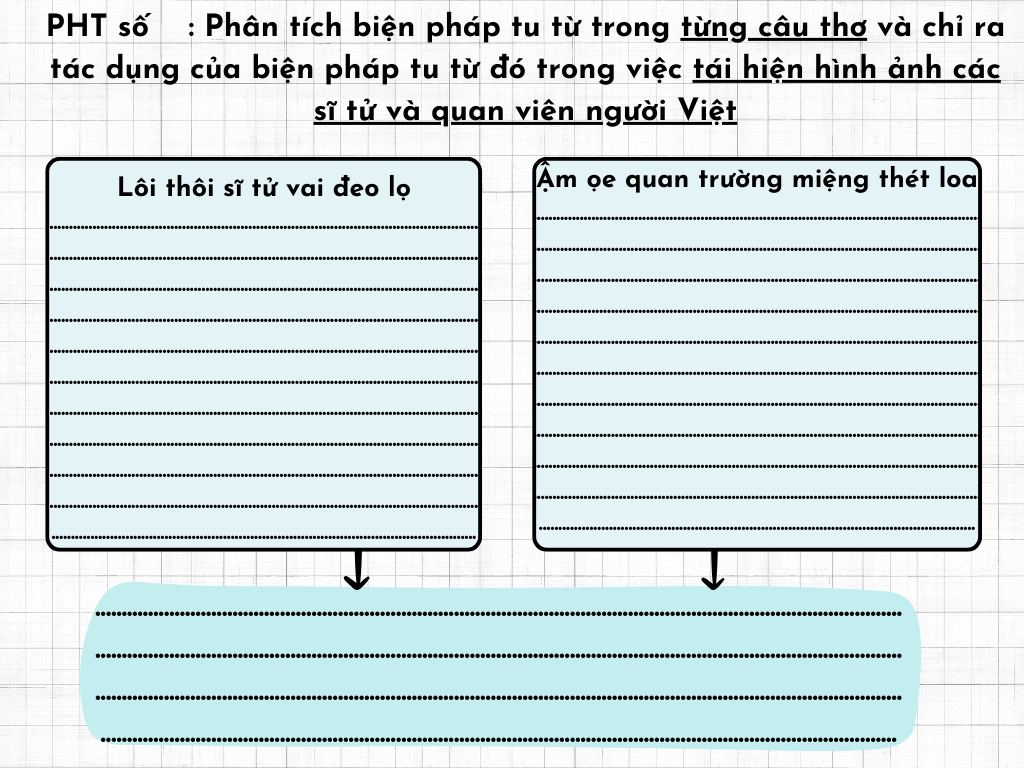
**PHT số 2**

****

**PHT số 3**



**PHT số 4**



**PHT số 5**

****

**Tiết theo PPCT: 45**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**NGHĨA CỦA MỘT SỐ TỪ, THÀNH NGỮ HÁN VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

HS nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó. Nguyễn Nhâm

**b. Năng lực chung** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc học

**3. Kiến thức**

Kiến thức về yếu tố gốc Hán Việt, từ Hán Việt và cách giải nghĩa

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền

**b. Nội dung:** Hs hoàn thiện PHT

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *C1: Tìm những từ ghép có yếu tố Hán Việt trong bảng sau (cột hai) và giải thích ý nghĩa của những từ đó (4 nhóm, mỗi nhóm làm một trường hợp)*  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ mới tạo ra** | **Nghĩa của từ mới tạo ra** | | 1 | Gia (nhà) |  |  | | 2 | Gia (tăng thêm) |  |  | | 3 | Biến (tai họa) |  |  | | 4 | Biến (thay đổi) |  |  |   *C2:Câu văn sau sai ở chỗ nào? Vì sao? Em hãy sửa lại cho đúng “Sức chịu đựng của em có giới thiệu”*  *(Có thể tạo một tình huống dí dỏm bằng cách thay em🡪 cô)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ:  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài mới:  C1: Những từ mà các em mới tạo ra được gọi là từ Hán Việt, được tạo ra từ những từ có yếu tố Hán Việt. Vậy từ có yếu Hán Việt có đặc điểm, chức năng như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu tiết thực hành TV  C2: Dù vô tình hay hãy hữu ý thì sự nhầm lẫn của chúng ta đều bắt nguồn từ hiện tượng đồng âm của các từ Hán Việt. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em có thêm kinh nghiệm khi sử dụng từ Hán Việt, nhất là những từ đồng âm. | Gợi ý:  C1:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Từ gốc** | **Từ mới tạo ra** | **Nghĩa của từ mới tạo ra** | | 1 | Gia (nhà) | gia đình | là tập hợp người sống chung thành một đơn vị nhỏ nhất trong xã hội, gắn bó với nhau bằng quan hệ hôn nhân và dòng máu, thường gồm có vợ chồng, cha mẹ và con cái. | | gia phong | được hiểu là thói nhà, tập quán và giáo dục trong gia tộc, nền nếp riêng của một gia đình. Dùng chỉ chung cho văn hóa, cách nghĩ, cách ứng xử của gia đình, gia tộc. | | 2 | Gia (tăng thêm) | gia vị | là thứ cho thêm vào thức ăn để tăng vị thơm ngon của món ăn. | | gia tăng | là nâng cao lên, thêm vào. | | 3 | Biến (tai họa) | tai biến | là sự việc gây vạ bất ngờ. | | biến cố | là sự kiện xảy ra gây ảnh hưởng lớn và có tác động mạnh đến đời sống xã hội, cá nhân. | | 4 | Biến (thay đổi) | biến hình | biến đổi về hình dạng, về hình thái. | | bất hóa | Thay đổi, hóa ra hình thức khác. |   - Sai ở từ giới thiệu. Vì thiệu có nghĩa là ở giữa, àm trung gian, không phù hợp với ngữ cảnh  - Cách sửa: thay từ giới thiệu bằng giới hạn |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a) Mục tiêu:**

HS nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Cho các từ: quốc gia, khoan dung, nhân ái, hải sản, thủy triều, thủ khoa*  *a. Các từ trên có nguồn gốc vay mượn từ đâu?*  *b. Mỗi từ được cấu tạo từ yếu tố nào?*  *c. Em hãy liệt kê các từ Hán Việt có yếu tố Hán Việt là “nhân”, sau đó thử giải nghĩa một số từ*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức:  Hướng dẫn phân tích ví dụ  a. Vay mượn từ chữ Hán  b. Mỗi từ được tạo bởi các tiếng, mỗi tiếng được gọi là yếu tố Hán Việt. Ví dụ: quốc, gia, khoan, dung,...  c.  dị nhân, tội nhân, nam nhân: chỉ người  nhân giống: làm tăng thêm gấp nhiều lần từ cái hiện có  nhân | **I. Lí thuyết**  **- Yếu tố Hán Việt:**  Nhóm các từ phức gốc Hán thường được gọi là từ Hán Việt. Mỗi tiếng của từ thuộc nhóm này có tên gọi tương ứng là yếu tố Hán Việt.  - Khi sử dụng từ Hán Việt, cần lưu ý hiện tượng đồng âm: các yếu tố Hán Việt đồng âm nhưng nghĩa khác xa nhau và không có liên quan với nhau |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Nội dung trả lời của các bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  ***Vòng 1: Nhóm chuyên gia***  *GV chia thành các nhóm (khoảng từ 4- 6 người).*  *+ Nhóm 1: Bài 1*  *+ Nhóm 2: Bài 2*  *+ Nhóm 3: Bài 3*  *+ Nhóm 4: Bài 4*  *Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình.*  *Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành chuyên gia của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở vòng 2.*  ***Vòng 2: Nhóm mảnh ghép***  *Hình thành nhóm mới khoảng từ 4-6 người (bao gồm 1-2 người từ nhóm 1; 1-2 từ nhóm 2; 1-2 người từ nhóm 3, 1-2 người từ nhóm 4). Các câu hỏi và câu trả lời của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.*  **Bài tập** *1: Chỉ ra một số yếu tố Hán Việt được sử dụng trong văn bản Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu.*  *a. Giải thích mỗi yếu tố.*  *b. Tìm một số từ Hán Việt có sử dụng những yếu tố đó (mỗi yếu tố tìm ít nhất hai từ).*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | ***STT*** | ***Yếu tố Hán Việt*** | ***Giải nghĩa*** | ***Từ có yếu tố Hán Việt*** | | *1* | *Sĩ* |  |  | | *2* | *Tử* |  |  | | *3* | *Quan* |  |  | | *4* | *Trường* |  |  | | *5* | *Sứ* |  |  | | *6* | *Nhân* |  |  | | *7* | *Tài* |  |  |   **Bài tập** *2 : Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và tìm từ có yếu tố Hán Việt tương ứng:*   |  |  | | --- | --- | | ***Yếu tố Hán Việt*** | ***Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng*** | | *Gian1 (lừa dối, xảo trá)* |  | | *Gian2 (giữa, khoảng giữa)* |  | | *Gian3 (khó khăn, vất vả)* |  |   **Bài tập** *3: Xếp các từ ngữ sau thành từng nhóm có yếu tố Hán Việt cùng nghĩa và giải nghĩa yếu tố Hán Việt đó:*  *a. nam: kim chỉ nam, nam quyền, nam phong, phương nam, nam sinh, nam tính.*  *b. thủy: thủy tổ, thủy triều, thủy lực, hồng thủy, khởi thủy, nguyên thủy.*  *c. giai: giai cấp, giai điệu, giai nhân, giai phẩm, giai thoại, giai đoạn, bách niên giai lão.*  **Bài tập** *4: Giải nghĩa các thành ngữ có yếu tố Hán Việt sau và đặt câu với mỗi thành ngữ:*  *a. vô tiền khoáng hậu*  *b. dĩ hòa vi quý*  *c. đồng sàng dị mộng*  *d. chúng khẩu đồng từ*  *e. độc nhất vô nhị*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành ngữ** | **Giải nghĩa** | **Đặt câu** | | Vô tiền khoáng hậu |  |  | | Dĩ hòa vi quý |  |  | | Đồng sàng dị mộng |  |  | | Chúng khẩu đồng từ |  |  | | Độc nhất vô nhị |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung : | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Giải nghĩa** | **Từ có yếu tố Hán Việt** | | 1 | Sĩ | Học trò, người có học vấn | Sĩ diện, học sĩ, sĩ phu, danh sĩ | | 2 | Tử | Một người nào đấy, thành phần cấu tạo nên một chỉnh thể nào đấy | Lãng tử, tài tử, nữ tử, nam tử, sĩ tử, phần tử | | 3 | Quan | - Chức vụ trong bộ máy nhà nước phong kiến  - Viên chức có quyền hành trong bộ máy nhà nước phong kiến, thực dân | Quan văn, quan võ, quan sứ, quan lại, quan trường, quan viên,... | | 4 | Trường | Khoảng đất trống rộng rãi  - Nơi tụ họp đông người | Quảng trường, hiện trường, công trường, trường học, thị trường | | 5 | Sứ | Người thực hiện mệnh lệnh của nhà nước làm việc ở nước ngoài | Sứ giả, sứ thần, công sứ, quan sứ, sứ quán | | 6 | Nhân | Người | Nhân viên, nhân khẩu, nhân lực, vĩ nhân, đại nhân,... | | 7 | Tài | Có năng lực, giỏi | Tài năng, tài hoa, tài nghệ, tài đức, hiền tài,... |   **Bài tập 2**   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ có yếu tố Hán Việt tương ứng** | | Gian1 (lừa dối, xảo trá) | Gian ác, gian hiểm, gian lận, gian manh, gian phu, gian tà, gian thương, gian xảo, gian tà,... | | Gian2 (giữa, khoảng giữa) | Trung gian, dân gian, dương gian, không gian, nhân gian, thế gian, thời gian, trần gian | | Gian3 (khó khăn, vất vả) | Gian khổ, gian nan, gian nguy, gian truân,... |   **Bài tập 3**  a. Nam  Nam 1 (phương nam): kim chỉ nam, nam phong, phương nam  Nam 2 (nam giới): nam quyền, nam sinh, nam tính  b. Thủy  Thủy 1 (nước): thủy triều, thủy lực, hồng thủy  Thủy 2 (khởi đầu): thủy tổ, khởi thủy, nguyên thủy  c. Giai  Giai 1 (đẹp): giai điệu, giai nhân, giai phẩm, giai thoại  Giai 2 (ngôi, bậc): giai cấp, giai đoạn  Giai 3 (đều, cùng): bách niên giai lão  **Bài tập 4:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành ngữ** | **Giải nghĩa** | **Đặt câu** | | Vô tiền khoáng hậu | Điều chưa từng xảy ra trong quá khứ và cũng rất khó xảy ra trong tương lai. | Messi lập kỷ lục “vô tiền khoáng hậu” trong lịch sử bóng đá. | | Dĩ hòa vi quý | Lấy sự hài hòa, hòa khí làm mục đích cao nhất | Anh em chung sống một nhà nên lấy dĩ hòa vi quý làm đầu. | | Đồng sàng dị mộng | Ngủ cùng giường nhưng mơ những giấc mơ khác nhau (cùng sống với nhau nhưng tâm tư, tình cảm không giống nhau hoặc cùng làm việc nhưng không cùng chí hướng) | Tôi và anh chỉ là đồng sàng dị mộng mà thôi, không thể hợp tác trong công việc này nữa | | Chúng khẩu đồng từ | Nhiều người cùng nói một lời như nhau | Bọn nó chúng khẩu đồng từ như vậy, ai mà cãi lại được | | Độc nhất vô nhị | Thứ độc đáo, duy nhất, chỉ có một mà không có hai | Món quà cô ấy làm tặng mẹ quả là độc nhất vô nhị | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

Hs biết vận dụng làm bài tập

**b. Nội dung:** Hs thực hành làm bài tập

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Giải thích nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:*  *a. Thông qua tình huống này, tác giả dân gian muốn khẳng định sự mẫn tiệp của* ***trí tuệ*** *dân gian, qua đó bày tỏ ước mơ về một xã hội mà mọi ràng buộc chặt chẽ của* ***quan niệm*** *phong kiến về các tầng lớp người trong xã hội đều được nới nỏng và cởi bỏ.*  *(Theo Trần Thị An, Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian)*  *b. Và ở đây, bằng kinh nghiệm về việc quan sát* ***thiên nhiên*** *và kinh nghiệm của việc* ***thực hành*** *các trò chơi dân gian ở làng quê, em bé nhanh chóng tìm ra đáp án.*  *(Theo Trần Thị An, Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian)*  *c. Bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen” đạt đến độ* ***hoàn mĩ*** *hiếm có trong loại ca dao vịnh tả cảnh vật mang tính* ***triết lí****.*  *(Theo Hoàng Tiến Tựu, Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao “Trong đầm gì đẹp bằng sen”)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động: thu sản phẩm, đọc lướt sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắn chắn | Gợi ý  a.  - Trí tuệ là khả năng suy nghĩ và hành động sử dụng kiến thức, kinh nghiệm, sự hiểu biết, ý thức chung và cái nhìn sâu sắc.  - Quan niệm là cách hiểu riêng của mình về một sự vật, một vấn đề  b.  - Thiên nhiên là tất cả những gì ở bên ngoài con người, xung quanh con người, không phải do con người tạo nên.  - Thực hành là những thao tác nhằm vận dụng các kĩ năng, kiến thức đã tiếp thu vào việc giải quyết những tình huống, những vấn đề cụ thể  c.  - Hoàn mỹ: Đẹp đẽ hoàn toàn, không có bất kỳ khuyết điểm nào.  - Triết lí là hệ thống tư tưởng của con người nhằm nghiên cứu đời sống của con người và vũ trụ mà con người đang sống. |

**IV. Phụ lục**

**BÀI 4: TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ**

**Tiết theo PPCT: 46,47**

**VĂN BẢN 2: LAI TÂN**

**(Hồ Chí Minh**)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần nhịp

- Hs nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng

- Hs liên hệ được nội dung, ý nghĩa của tác phẩm với những vấn đề của xã hội đương đại

**b. Năng lực chung** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phát hiện và có hướng ứng xử phù hợp với một vấn đề nảy sinh trong tình huống thực tiễn.

**2. Về phẩm chất**

Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực

**3. Kiến thức**

- Thấy được thực trạng thối nát của chính quyền Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch và thái độ châm biếm, mỉa mai sâu cay.

- Nghệ thuật: Lối viết tự sự kết hợp ngòi bút miêu tả giản dị, chân thực; giọng điệu thản nhiên, lại vừa đả kích, mỉa mai sâu cay.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnhn

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS/ Kết quả trò chơi, thái độ tham gia trò chơi của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Bác Hồ (Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh) đã bôn ba khắp năm châu bốn biển để tìm con đường cứu nước. Hãy kể tên một số nơi Bác đã từng đặt chân tới.*  *+ Hãy nêu tên một số bài thơ của Hồ Chí Minh mà em biết.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Gv quan sát, hỗ trợ, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài. | Gợi ý  - Một số nơi Bác đã từng đặt chân tới nhiều nước thuộc các đại lục Âu, Á, Phi, Mỹ. Đặc biệt Người đã dừng chân khảo sát khá lâu ở 3 nước đế quốc lớn nhất thời đó là Mỹ, Anh và Pháp. Sau đó đến Liên Xô.  - Một số bài thơ của Hồ Chí Minh: Cảnh khuya, Rằm tháng Giêng, Tức cảnh Pác Pó, Mộ,… |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Đọc văn bản và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV gọi HS đọc, một em đọc phiên âm, một em đọc dịch nghĩa và một em đọc dịch thơ. (Phần dịch thơ cần gọi HS khác đọc lại nếu HS trước đọc chưa đạt)*  *+ Em hãy giới thiệu vài nét về tập thơ Nhật kí trong tù và bài thơ Lai Tân*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân/nhóm  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - GV hướng dẫn HS cách ngắt nhịp khi đọc các VB thơ  - Ngữ điệu đọc cần khoan thai, nhẹ nhàng.  - Lưu ý các chiến lược đọc  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tập Nhật kí trong tù**  - Là bài thơ chữ Hán, gồm 133 bài  - Được Hồ Chí Minh sáng tác trong thời gian bị giam giữ và giải đi qua nhiều nhà tù của Quốc dân đảng tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc (từ ngày 29/08/1942 đến 1-/09/1945).  **b. Bài thơ Lai Tân**  Lai Tân là bài thơ thứ 96 của tập thơ NKTT. |

**2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần nhịp

- Hs nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng

- Hs liên hệ được nội dung, ý nghĩa của tác phẩm với những vấn đề của xã hội đương đại

-Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực

- Thấy được thực trạng thối nát của chính quyền Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch và thái độ châm biếm, mỉa mai sâu cay.

- Nghệ thuật: Lối viết tự sự kết hợp ngòi bút miêu tả giản dị, chân thực; giọng điệu thản nhiên, lại vừa đả kích, mỉa mai sâu cay.

**b. Nội dung:** Hs khám phá văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Thể thơ và dấu hiệu nhận biết thể thơ bài Lai Tân**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu hỏi, hoàn thành các PHT  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | **III. Khám phá văn bản**  **1. Thể thơ và dấu hiệu nhận biết thể thơ bài Lai Tân**  - Bài thơ Lại Tân thuộc thể thơ tứ tuyệt Đường luật.  - Cơ sở để nhận biết  + Số câu: bài thơ có bốn câu,  + Số chữ trong mỗi câu: bảy chữ  + Luật: nguyên tác luật bằng; bản dịch thơ luật trắc (tiếng thứ 2 của câu thứ nhất).  + Niêm: niêm giữa câu 2 và 3  + Gieo vần: vần chân ở các câu chẵn (tiền – thiên).  + Nhịp: câu thơ được ngắt chẵn trước, lẻ sau (2/2/3 hoặc 4/3).  + Bố cục: 4 phần (Khởi – Thừa – Chuyển – Hợp). |
| **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tiếng cười trào phúng trong bài thơ.**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv sử dụng phương pháp mảnh ghép  ***Vòng 1: Nhóm chuyên gia***  *GV chia thành các nhóm (khoảng từ 4- 6 người).*  *+ Nhóm 1-4: Nhiệm vụ 1*  *+ Nhóm 2-5: Nhiệm vụ 2*  *+ Nhóm 3-6: Nhiệm vụ 3*  *Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình.*  *Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành chuyên gia của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở vòng 2.*  ***Vòng 2: Nhóm mảnh ghép***  *Hình thành nhóm mới khoảng từ 4-6 người (bao gồm 1-2 người từ nhóm 1-4; 1-2 từ nhóm 2-5; 1-2 người từ nhóm 3-6,). Các câu hỏi và câu trả lời của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.*  **Nhiệm vụ 1**  *+ Ban trưởng, cảnh trưởng có nhiệm vụ là gì? Ban trưởng, cảnh trưởng trong bài thơ Lai Tân có thực hiện đúng chức trách đó không? Vậy mục đích làm việc của họ là gì?*  *+ Em có nhận xét gì về mối quan hệ giữa nhiệm vụ của ban trưởng, cảnh trưởng với mục việc làm, mục đích của họ? Từ đó nhận xét về tiếng cười trào phúng ở hai câu thơ đầu.*  ***Nhiệm vụ 2***  *+ Câu thơ thứ 2 gợi ra cho em cảm nhận như thế nào về người huyện trưởng (vị trí, việc làm, bối cảnh làm việc,...). Phải chăng sau khi chê những thói xấu của ban trưởng và cảnh trưởng, tác giả muốn dành lời khen cho huyện trưởng vì đã làm việc chăm chỉ? Em thử suy đoán huyện trưởng “chong đèn” để làm gì?*  *+ Giọng điệu trào phúng ở câu thơ thứ ba có gì khác so với hai câu thơ đầu?*  ***Nhiệm vụ 3***  *Vẻ bề ngoài ở Lai Tân được miêu tả qua từ nào? Từ ngữ đó gợi lên cuộc sống ra sao? Theo em, nội dung câu kết có mâu thuẫn với nội dung của các câu thơ trước không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Tìm hiểu về tiếng cười trào phúng trong bài thơ.**  **a. Tiếng cười toát lên từ nhân vật ban trưởng, cảnh trưởng**  *Giam phòng ban trưởng thiên nhiên đổ*  *Cảnh trưởng than thôn giải phạm tiền*  (*Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh)*  *- Nhiệm vụ của ban trưởng, cảnh trưởng: giữ trật tự, an ninh cho xã hội.*  *- Việc làm: đánh bạc, ăn tiền đút lót của phạm nhân.*  *- Mục đích: Trục lợi cá nhân.*  *🡪 Sự ngược đời này đã chỉ ra tính lố bịch, làm lộ rõ bản chất xấu xa của ban trưởng, cảnh trưởng, từ đó tạo tiếng cười trào phúng trực diện nhằm vào những đối tượng này.*  **b. Tiếng cười toát lên từ nhân vật huyện trưởng**  *Huyện trưởng thiêu đăng biện công sự*  *(Chong đèn huyện trưởng làm công việc).*  - *Huyện trưởng*: người đứng đầu của một huyện.  - *Chong đèn*: thắp đèn rất lâu trong đêm, gợi sự chăm chỉ, suy tư.  - *Làm công việc*: chưa rõ đang làm gì  🡪 Thoạt tiên câu thơ gợi lên sự khen ngợi nhân vật huyện trưởng là người làm đúng chức phận, lao tâm khổ tứ vì dân, vì nước.  🡪 Tuy nhiên, dù "chăm chỉ" như vậy, nhưng trong địa bàn huyện mà ông ta quản lí, ngay cả những người làm công tác an ninh trật tự cũng vi phạm pháp luật, chỉ toan tính mưu lợi cá nhân thì chỉ có hai khả năng xảy ra: một là năng lực huyện trưởng kém, nên có làm việc tận khuya thì sự thối nát, mục ruỗng trong bộ máy cai trị địa phương (mà ông ta là người đứng đầu) vẫn không thay đổi; hai là huyện trưởng không kém, nhưng công việc mà ông ta làm tận khuya không phải là việc có ích cho người dân, cho xã hội, mà là một công việc mở ám nào đó (hút thuốc phiện).  - Nhận xét về sự thay đổi giọng điệu trào phúng.  + Hai câu thơ đầu: giọng điệu đả kích (từ ngữ thô mộc, suồng sã).  + Câu thơ thứ ba: mỉa mai – châm biếm (tạo ra yếu tố vô lí hoặc thiếu lô-gic, đảo lộn trật tự thông thường: lời thơ tựa như khen ngợi huyện trưởng chăm chỉ làm công việc đến tận đêm khuya, ngược hắn với hai “cán bộ nhà nước" trong hai câu thơ trước).  **c. Tiếng cười trào phúng toát ra từ sự đối lập của thực tại xã hội**  *Lai Tân y cự thái bình thiên*  *(Trời đất Lai Tân vẫn thái bình)*  *- Thái bình: cảnh yên ổn, thịnh vượng*  *- Tuy nhiên, đây là sự giả tạo bởi vì vẫn còn cảnh ban trưởng vi phạm pháp luật (đánh bạc), cảnh trưởng chỉ tìm cách trục lợi (kiếm ăn quanh), huyện trưởng yếu kém, thiếu gương mẫu.*  *🡺 Mâu thuẫn giữa vè bề ngoài (thái bình) với thực chất (mục rỗng, thối nát) của xã hội, tạo ra tiếng cười trào phúng cho tác phẩm.* |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu tìm hiểu về dụng ý của tác giả**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  + *Hs thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn câu hỏi: Các nhân vật trong bài thơ Lai Tân thuộc thành phần nào trong xã hội? Hãy làm rõ dụng ý của tác giả khi nhằm vào nhóm đối tượng này.*  *+ Theo em, vấn đề này có xảy ra trong cuộc sống của chúng ta hiện nay không? Em hãy nêu một vài dẫn chứng về thực trạng này.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Sau khi học sinh nêu, Gv có thể chiếu video hoặc cung cấp một vài thông tin (trên kênh chính thống) về các vụ án liên quan đến chuyến bay giải cứu hoặc đại án Kit test Việt Á  <https://www.youtube.com/watch?v=Czo82NxhcR4>  🡺 Rút ra kết luận: Tham ô, tham nhũng, biết luật vẫn phạm luật vốn là vấn nạn của bất cứ thời đại nào. Tuy nhiên, đây chỉ là những con sâu quấy rầu nồi canh, chúng ra không nên đánh đồng tất cả. Đồng thời, chúng ta cần lên tiếng chống lại cái xấu, cái ác cũng như biết tự nhắc nhở bản thân phải thượng tôn pháp luật dù ở cương vị nào. | **3. Tìm hiểu về dụng ý của tác giả**  - Các nhân vật trong bài thơ Lai Tân gồm: Ban trưởng nhà giam, cảnh trưởng, huyện trưởng.  🡪 Họ là nhân công chức, viên chức thuộc bộ máy chính quyền, những người thuộc giai cấp thống trị trong xã hội.  - Tác giả hưởng tiếng cười vào giai tầng thống trị trong xã hội để châm biếm, đả kích, tố cáo tình trạng mục nát, “nhà dột từ nóc" mà tác giả chứng kiến ở Lại Tần thời bấy giờ. |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

- Rút ra lưu ý khi đọc văn bản thơ trào phúng

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Hs làm việc cá nhân*  1) *Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản theo PHT số 4*  *2) Em hãy rút ra một số lưu ý về cách đọc văn bản thơ trào phúng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **IV. Tổng kết**  **1. Nội dung, nghệ thuật**   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | | Bài thơ miêu tả thực trạng thối nát của chính quyền Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch và thái độ châm biếm, mỉa mai sâu cay. | - Lối viết tự sự kết hợp ngòi bút miêu tả giản dị, chân thực.  - Giọng điệu thản nhiên, lại vừa đả kích, mỉa mai sâu cay. |   **2. Một số lưu ý khi đọc văn bản thơ trào phúng.**  - Chỉ ra biểu hiện của thể thơ thể hiện trong VB.  - Xác định được biện pháp tu từ và tác dụng của biện pháp tu từ đó trong câu thơ hoặc trong cặp câu để suy luận được yếu tố trào phúng trong bài thơ.  - Nhận biết được thái độ, dụng ý của tác giả. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “ ...”

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Câu 1: Bài thơ Lai Tân thuộc thể thơ nào?  A. Thất ngôn tứ tuyệt  B. Thất ngôn bát cú  **C. Thất ngôn bát cú Đường luật**  D.Tự do  Câu 2: Bài thơ Lai Tân được viết bằng chữ  A. Chữ Quốc ngữ  B. Chữ Trung Quốc  C. Chữ Nôm  **D. Chữ Hán**  Câu 3: Cảnh trưởng ở trong bài thơ có hành động gì?  A. Ăn tiền của cấp dưới  **B. Ăn tiền phạm nhân**  C. Ăn tiền của nhà giam  D. Ăn tiền của người thân phạm nhân  Câu 4: Tác giả có thái độ gì trước cảnh ở Lai Tân?  **A. Thái độ mỉa mai, châm biếm.**  B. Thái độ thương cảm  C. Không có thái độ gì  D. Thái độ tán thành  Câu 5: Ban trưởng, Cảnh trưởng, Huyện trưởng đại diện cho  A. Người của giặc  B. Người quản lí  **C. Người đứng đầu**  D. Bộ máy chính quyền của giặc  Câu 6: Bài thơ đã cho ta thấy một cảnh tượng bất bình là:  A. Những người đứng đầu vô cớ đánh đập phạm nhân  B. Phạm nhân này bắt nạt phạm nhân khác  C. Những phạm nhân coi nhà giam như nhà mình  **D. Những người đứng đầu mặc sức lộng hành**  Câu 7: Mức độ mỉa mai của tác giả theo mức  A. Tăng xong giảm  B. Giảm dần  **C. Tăng dần**  D. Giảm nhanh  Câu 8: Ý nào sau đây không đúng khi nói về bài thơ Lai Tân:  A. Lối viết tự sự kết hợp miêu tả giản dị, chân thật  B. Giọng điệu thản nhiên, đả kích; châm biếm sâu cay  **C. Viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật**  D. Là bài thơ số 96 trong tập thơ Nhật kí trong tù  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **gợi ý:** |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn hs viết đoạn văn

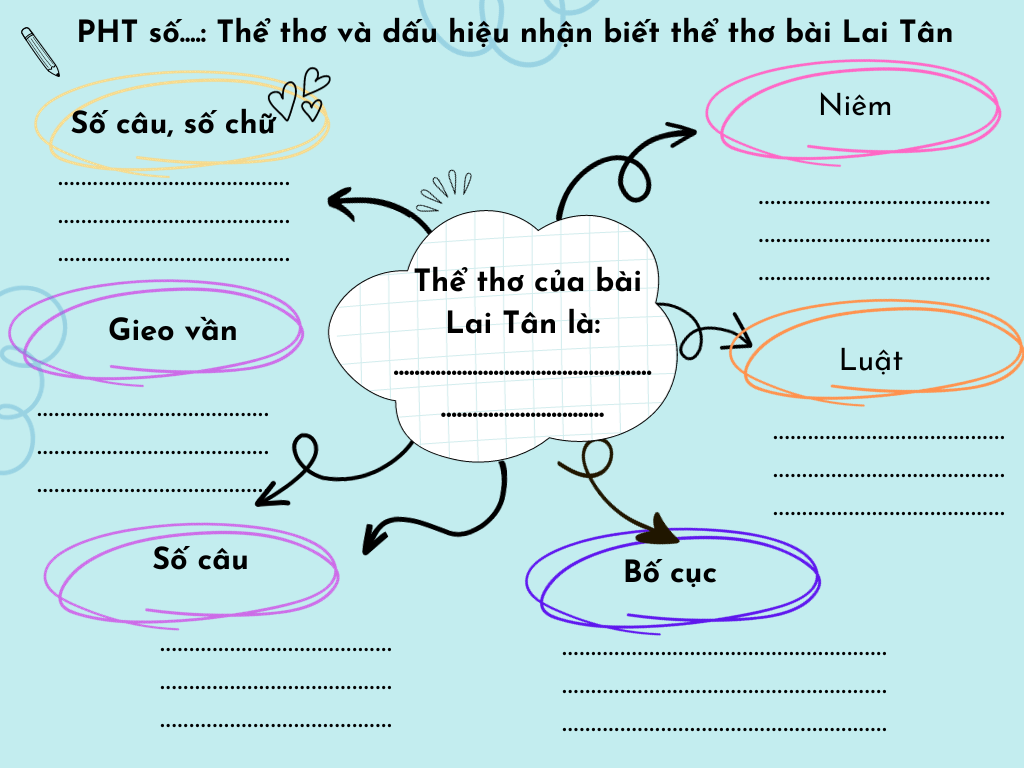
**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  [*Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) làm rõ chất trào phúng nhẹ nhàng mà sâu cay của bài thơ Lai Tân qua lời nhận xét: “Trời đất Lai Tân vẫn thái bình”.*](https://vietjack.com/soan-van-lop-8-kn/viet-doan-van-lam-ro-tinh-trao-phung-nhe-nhang-sau-cay.jsp)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  thức  **Bảng kiểm đánh giá đoạn văn**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Yếu tố** |  | **Đ** | **CĐ** | | Nội dung | Khái quát lại nội dung bài thơ |  |  | | Phân tích cách sử dụng từ ngữ trong câu |  |  | | Phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc nghệ thuật, làm rõ được chất trào phúng nhẹ nhàng, sâu cay |  |  | | Hình thức | Viết đoạn văn đảm bảo dung lượng |  |  | | Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, Liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp |  |  | | Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ |  |  | | *Gợi ý*  Đoạn văn tham khảo:  Ba câu đầu trong bài thơ Lai Tân đã khắc họa bức chân dung biếm họa về hệ thống quan lại Lai Tân mục ruỗng, thối nát, xấu xa đến tệ hại. Nhưng trước cái hiện thực tệ hại ấy, Hồ Chí Minh lại viết:“Trời đất Lai Tân vẫn thái bình". Nhịp thơ và giọng theo đột ngột thay đổi. Theo logic, người đọc chờ đợi ở câu kết một lời đả kích mạnh mẽ, lên án quyết liệt tình trạng thối nát của bọn quan lại ở Lai Tân, nhưng Hồ Chí Minh lại hạ một câu thơ có vẻ hờ hững. Tuy nhiên, thực chất câu kết là đòn đánh rất hiểm mà trong văn chương xưa gọi là “tiền văn không đoán được hậu văn”. Vì thế, câu văn tưởng chừng hờ hững mà thật ra lại châm biếm nhẹ nhàng, sâu cay. Nó cho thấy tình trạng thối nát của bọn quan lại ở Lai Tân diễn ra hết sức bình thường, không có gì là đặc biệt, là bất ngờ, không phải là chuyện của thời loạn. Hiện thực thối nát ấy rất đáng phê phán, đáng lên án, thế nhưng nó lại cứ vẫn diễn ra suốt bao năm như vậy, như thể tiền lệ, khiến người ta nhìn nhiều hóa quen, không còn thấy lạ lùng, cũng không cần căm phẫn nữa! Về cách dùng từ ở câu thơ cuối, chữ “thái bình” chính là nhãn tự của bài thơ. Hai từ “thái bình” hạ xuống một cách tự nhiên, nhẹ nhàng nhưng ẩn sau vẫn là sự châm biếm, nó cho thấy sự thái bình giả dối ở Trung Quốc thời Tưởng Giới Thạch. Đúng là một sự thái bình khiến ta cười ra nước mắt! |

**IV. Phụ lục**

**PHT số 1**

****

**Tiết theo PPCT: 48**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**SẮC THÁI NGHĨA CỦA TỪ NGỮ VÀ VIỆC LỰA CHỌN TỪ NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- HS nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó.

- HS hiểu được sắc thải nghĩa của từ ngữ (từ ngữ Hán Việt) và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.

**b. Năng lực chung** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc học

**3. Về kiến thức**

Hs nắm được kiến thức về các sắc thái nghĩa cơ bản của từ

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền

**b. Nội dung:** Hs

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Cho ví dụ   |  | | --- | | Hs lựa chọn từ ngữ sao cho phù hợp. Tại sao em lại chọn từ đó?  1. Tổng thống Hàn Quốc cùng vợ/ phu nhân sang thăm Việt Nam vào tháng 6 năm 2023  2. Những chiến sĩ đã hi sinh/ mất để bảo về độc lập tự do cho Tổ quốc  3. Bọn giặc đã bỏ mạng/ từ trần hơn một nửa trên chiến trường Tây Nguyên |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ:  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - GV quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài mới:  Trong tiếng Việt nói chung cũng như từ có nguồn gốc Hán nói riêng, mỗi từ ngữ, kể cả từ đồng nghĩa đều mang nét nghĩa khác nhau. Để hiểu hơn về vấn đề này, hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu tiết thực hành TV: Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ | 1. Tổng thống Hàn quốc cùng vợ/ **phu nhân** sang thăm Việt Nam vào tháng 6 năm 2023.  => thể hiện sự trang trọng  2. Những chiến sĩ đã **hi sinh**/ mất để bảo về độc lập tự do cho tổ quốc.  => trang trọng, biết ơn  3. Bọn giặc đã **bỏ mạng**/ từ trần trên các bãi chiến trường  => sự coi thường |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a) Mục tiêu:**

- HS nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó.

- HS hiểu được sắc thải nghĩa của từ ngữ (từ ngữ Hán Việt) và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.

**b) Nội dung:**

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Hs thực hiện theo nhóm đôi: Quan sát các từ ngữ trong những cặp sau và nhận xét sự khác biệt về sắc thái nghĩa của các từ*   |  |  | | --- | --- | | *Trắng bóc – trắng bệch* |  | | *Mất – đi đời* |  | | *Xơi – đớp* |  | | *Sáng và sáng trưng* |  | | *Đen và đen sì* |  | | *Nguyên thủ - người đứng đầu* |  | | *Hoa đăng – hoa đèn* |  |   - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | **I. Lí thuyết**  **a. Ví dụ**   |  |  | | --- | --- | | *Trắng bóc – trắng bệch* | *Trắng bóc có sắc thái tích cực, trắng bệnh có sắc thái tiêu cực.* | | *Mất – đi đời* | *Mất có sắc thái nghĩa trung tính, đi đời có sắc thái tiêu cực, suồng sã.* | | *Xơi – đớp* | *Xơi có sắc thái nghĩa trang trọng, đớp có sắc thái suồng sã.* | | *Sáng và sáng trưng* | *Sáng có sắc thái nghĩa trung tính, sáng trưng có sắc thái nghĩa tích cực.* | | *Đen và đen sì* | *Đen có sắc thái nghĩa trung tính, đen sì có sắc thái nghĩa tiêu cực,* | | *Nguyên thủ - người đứng đầu* | *Nguyên thủ có sắc thái trang trọng, người đứng đầu có sắc thái trung tính.* | | *Hoa đăng – hoa đèn* | *Hoa đăng có sắc thái trang trọng, hoa đèn có sắc thái suồng sã.* |   **b. Kết luận**  - Sắc thái nghĩa của từ là phần nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản, thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của người dùng đối với đối tượng được nói đến.  - Có những sắc thái nghĩa cơ bản như  + Trung tính  + Trang trọng – thân mật – suồng sã  + Tích cực – tiêu cực  + tốt nghĩa – xấu nghĩa  +...  - So với các từ thuần Việt có nghĩa tương đồng, nhóm từ Hán Việt thường gợi ấn tượng về sự cổ kính, trang trọng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó.

- HS hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ (từ ngữ Hán Việt) và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Nội dung trả lời của các bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv cho hs thực hiện theo kĩ thuật mảnh ghép  ***Vòng 1: Nhóm chuyên gia***  *GV chia thành các nhóm (khoảng từ 4- 6 người).*  *+ Nhóm 1: Bài 1*  *+ Nhóm 2: Bài 2*  *+ Nhóm 3: Bài 3*  *+ Nhóm 4: Bài 4*  *Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình.*  *Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành chuyên gia của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở vòng 2.*  ***Vòng 2: Nhóm mảnh ghép***  *Hình thành nhóm mới khoảng từ 4-6 người (bao gồm 1-2 người từ nhóm 1; 1-2 từ nhóm 2; 1-2 người từ nhóm 3, 1-2 người từ nhóm 4). Các câu hỏi và câu trả lời của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.*  **Bài tập 1***: Phân biệt sắc thái nghĩa của các từ ngữ sau và cho ví dụ để làm rõ sự khác nhau về cách dùng giữa các từ ngữ đó:*  *a. ngắn và cụt ngủn*  *b. cao và lêu nghêu*  *c. lên tiếng và cao giọng*  *d. chậm rãi và chậm chạp*  **Bài tập 2:** *Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:*  *Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau?*  *(Trần Quốc Tuấn, Hịch tướng sĩ)*  *a. Tìm trong đoạn trích năm từ Hán Việt và giải nghĩa các từ đó.*  *b. Đặt một câu với mỗi từ Hán Việt tìm được.*  *Hs thực hiện theo PHT*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Từ Hán Việt** | **Giải nghĩa** | **Đặt câu** | | 1 |  |  |  | | 2 |  |  |  | | 3 |  |  |  | | 4 |  |  |  | | 5 |  |  |  | | 6 |  |  |  | | 7 |  |  |  |   **Bài tập 3:** *Theo em, các từ in đậm trong từng nhóm câu sau đây có thể thay thế cho nhau được không? Vì sao?*  **Bài tập 4:** *Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:*  *Vua truyền cho hai chú cháu đứng dậy, và nói tiếp:*  *- Việc nước đã có người lớn lo. Hoài Văn Hầu nên về quê để phu nhân có người sớm hôm trông cậy. Đế vương lấy hiếu trị thiên hạ, em ta không nên sao nhãng phận làm con.*  *Vừa lúc ấy, một nội thị bưng một mâm cỗ đi qua. Thiệu Bảo cầm lấy một quả cam sành chín mọng trên mâm, bảo một nội thị đưa cho Hoài Văn.*  *(Nguyễn Huy Tưởng, Lá cờ thêu sáu chữ vàng)*  *a. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn trích trên.*  *b. Việc sử dụng các từ in đậm đó đã đem lại sắc thái gì cho lời văn*  *hs thảo luận theo PHT*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Từ Hán Việt** | **Từ ngữ đồng nghĩa thay thế từ Hán Việt** | **Tác dụng của việc sử dụng các từ in đậm** | | 1 | *phu nhân* |  |  | | 2 | *đế vương* |  | | 3 | *thiên hạ* |  | | 4 | *nội thị* |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung : | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1**  -Các từ ngữ ngắn, cao, lên tiếng, chậm rãi có sắc thái trung tính.  - Các từ ngữ cụt lủn, lêu nghêu, cao giọng, chậm chạp mang sắc thái tiêu cực.  + Cụt lủn là ngắn đến mức đáng ngại, mất cân đối  + Lêu nghêu là cao quá cỡ, thiếu thẩm mĩ  + Cao giọng: thể hiện thái độ bề trên và không đúng đắn.  + Chậm chạp là có tốc độ, nhịp độ dưới mức bình thường rất nhiều (quá chậm) hoặc không được nhanh nhẹn, thiếu linh hoạt.  **Bài tập 2**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Từ Hán Việt** | **Giải nghĩa** | **Đặt câu** | | 1 | *loạn lạc* | tình trạng xã hội lộn xộn, không có trật tự, an ninh do có loạn | Thời buổi *loạn lạc*, làm việc gì cũng phải cẩn trọng cháu à! | | 2 | *gian nan* | có nhiều khó khăn, gian khổ phải vượt qua | Để doanh nghiệp có thành tựu hôm nay, anh ấy đã phải trải qua rất nhiều *gian nan.* | | 3 | *triều đình* | nơi các quan vào chầu vua và bàn việc nước; thường dùng để chỉ cơ quan trung ương của nhà nước quân chủ, do vua trực tiếp đứng đầu | Ta phụng mệnh *triều đình* mà hành sự, các người không thể không tuân theo. | | 4 | *tể phụ* | chức quan hàng đầu triều đình. giúp vua trị nước, thông thường chỉ Tể tướng | Các quan đều chăm chú lắng nghe khi quan *tể phụ* dâng tấu lên nhà vua. | | 5 | *thác mệnh* | mượn nhờ mệnh lệnh | Hắn *thác mệnh* nhà vua để ra oai với bà con bách tính. | | 6 | *không cùng* | không có chỗ tận cùng, không có giới hạn | Tham vọng về tiền bạc và địa vị của hắn là *không cùng*. | | 7 | *giả hiệu* | chỉ trên danh nghĩa chứ thực chất không phải; mượn danh hiệu khác, cốt để đánh lừa. | Gã ấy là một kẻ quân tử *giả hiệu*. |   **Bài tập 3**  Các từ in đậm trong từng nhóm không thể thay thế cho nhau vì sắc thái nghĩa của từng từ in đậm có sự khác nhau giữa các từ.  Câu a. Từ **vĩ đại** mang sắc thái trạng trọng hơn so với từ to lớn.  Câu b. Từ **chết** trung tính. Từ **hi sinh mang** sắc thái trang trọng cho thấy đó là cái chết vì mục đích tốt đẹp, cao cả. Từ **mất** mang sắc thái giảm nhẹ so với chết.  **Bài tập 4**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Từ Hán Việt** | **Từ ngữ đồng nghĩa thay thế từ Hán Việt** | **Tác dụng của việc sử dụng các từ in đậm** | | 1 | *phu nhân* | vợ | Việc sử dụng các từ ngữ in đậm đó đã đem lại sắc thái cổ kính, tranh trọng cho lời văn. | | 2 | *đế vương* | vua, bậc vua chúa | | 3 | *thiên hạ* | mọi người | | 4 | *nội thị* | người hầu trong cung. | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

HS hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ (từ ngữ Hán Việt) và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái.

**b. Nội dung:** Hs làm bài tập mở rộng

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Thay thế từ “sầu” trong câu thơ sau bằng một hoặc một số từ có nghĩa tương tự. Từ đó, chỉ ra cái hay trong việc sử dụng từ ngữ của Quang Dũng*  *Thuyền về nước lại* ***sầu*** *trăm ngả*  *Củi một cành khô lạc mấy dòng*  *(Tràng giang – Huy Cận)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động: thu sản phẩm, đọc lướt sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắn chắn | - Thay thế từ “sầu” trong câu thơ bằng một hoặc một số từ có nghĩa tương tự như: buồn, tủi  - Việc thay thế là không phù hợp bởi làm mất đi nét nghĩa trong câu thơ, không thể hiện đúng tâm trạng của nhà thơ cũng như giảm đi sự cổ kính bài thơ. |

**IV. Phụ lục**

**BÀI 4: TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ**

**Tiết theo PPCT: 49,50**

VĂN BẢN 3: MỘT SỐ GIỌNG ĐIỆU CỦA TIẾNG CƯỜI TRONG THƠ TRÀO PHÚNG

(Trần Hoa Lê)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Kết nối với VB1 và VB2 để làm sáng tỏ chủ đề “Tiếng cười trào phúng trong thơ”

- Nhận diện được các giọng điệu phong phú của tiếng cười trào phúng và một số biện pháp nghệ thuật được các nhà thơ sử dụng làm bật ra tiếng cười

**b. Năng lực chung** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

**2. Về phẩm chất**

Có ý thức phê phán cái xấu, cái tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động

**3. Kiến thức**

- Thấy được những giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng là hài hước, mỉa mai - châm biếm, đả kích... qua đó thể hiện nét đắc trong nghệ thuật trào phúng trong văn học Việt Nam.

- Nghệ thuật: Luận điểm ngắn gọn, tập trung, sắp xếp theo một trình tự hợp lí; luận cứ xác đáng, toàn diện, nhận xét sâu sắc; luận chứng phong phú, cụ thể, xác thực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

**b. Nội dung:** Hs chia sẻ

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Em hãy liệt kê những sắc thái ý nghĩa của tiếng cười hàng ngày?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Gv quan sát, hỗ trợ, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.  Tiếng cười của cuộc sống đa dạng về sắc thái ý nghĩa. Liệu tiếng cười trong thơ trào phúng có như vậy không? Chúng ta cùng tìm hiểu văn bản “Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phùng” | **Gợi ý:**  Tiếng cười giải trí, tiếng cười hạnh phúc, mãn nguyện, tiếng cười mỉa mai, châm biếm, tiếng cười bất lực,...tiếng cười chua chát. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Đọc văn bản và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *1) Gv hướng dẫn cách đọc*  *2) Em hãy giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân/nhóm  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - Hs tự đọc bài  - Chú ý các từ khó  **2. Tìm hiểu chung**  - Tác giả Trần Hoa Lê, giảng viên đại học, nhà nghiên cứu văn học.  - Tác phẩm được trích trên Tạp chí Văn học và tuổi trẻ, số tháng 9/2022. |

**2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Kết nối với VB1 và VB2 để làm sáng tỏ chủ đề “Tiếng cười trào phúng trong thơ”

- Nhận diện được các giọng điệu phong phú của tiếng cười trào phúng và một số biện pháp nghệ thuật được các nhà thơ sử dụng làm bật ra tiếng cười

**-** Có ý thức phê phán cái xấu, cái tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động

**b. Nội dung:** Hs khám phá văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng là gì? Văn bản đã nêu những đối tượng cụ thể nào mà tiếng cười trào phúng thường nhằm tới? (Hs thảo luận nhóm 4-6 em)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận và trả lời câu bạn, hoàn thành các PHT  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Khám phá văn bản**  **1. Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng**  - Đối tượng miêu tả, thể hiện của văn học trào phúng là những thứ bất toàn (không trọn vẹn, không hoàn hảo của con người, của cuộc sống).  - Những đối tượng cụ thể nào mà tiếng cười trào phúng thường nhằm tới:  + Chính bản thân (cười về nỗi cay đắng của kẻ bất đắc chí, tự thấy mình đáng cười, vô ích,...)  + Thói xấu của con người: thói tự mãn, kiêu căng, đạo đức giả, keo kiệt,...  + Sự tha hóa đạo đức gia đình và xã hội. |
| **NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu về về giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Hs thảo luận nhóm đôi PHT số 1*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***STT*** | ***Giọng điệu*** | ***Dấu hiệu để nhận biết*** | | *1* |  |  | | *2* |  |  | | *3* |  |  |   *+ Trong các giọng điệu của tiếng cười ở thơ trào phúng mà văn bản đề cập, em cảm thấy thích thú với giọng điệu nào? Vì sao? (hs làm việc cá nhân)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và hoàn thành các PHT  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **2. Tìm hiểu về giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng**  - Các giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Giọng điệu** | **Dấu hiệu để nhận biết** | | 1 | *hài hước* | đùa cợt nhẹ nhàng cùng những yếu tố khác lạ phóng túng, phá vỡ các khuôn khổ quen thuộc | | 2 | *mia mai - châm biếm* | tạo ra những yếu tố vô lí hoặc thiếu lô-gíc, đảo lộn trật tự thông thường. | | 3 | *đả kích* | thường mang giọng điệu phủ nhận gay gắt đối tượng, hình thức ngôn từ mang tính “mắng chửi” quyết liệt, có phân suồng sã, thô mộc. |   - Chia sẻ về giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng mà bản thân thích thú:  Gợi ý:  *Trong các giọng điệu của tiếng cười ở thơ trào phúng mà văn bản đề cập đến, em cảm thấy thích thú với giọng điệu mỉa mai – châm biếm. Vì mỉa mai – châm biếm mang lại tiếng cười bất ngờ, nó đòi hỏi bản thân em phải suy nghĩ, động não để phát hiện ra được tiếng cười mà tác giả ẩn sau những từ ngữ tưởng như dửng dưng kia.* |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Hs làm việc cá nhân*  *Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản theo PHT số 2*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại | **IV. Tổng kết**   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | | Văn bản đề cập đến những giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng là hài hước, mỉa mai - châm biếm, đả kích... qua đó thể hiện nét đắc trong nghệ thuật trào phúng trong văn học Việt Nam. | - Luận điểm ngắn gọn, tập trung, sắp xếp theo một trình tự hợp lí.  - Luận cứ xác đáng, toàn diện, nhận xét sâu sắc.  - Bằng chứng phong phú, cụ thể, xác thực. | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Ngôi sao may mắn”

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Câu 1: Đối tượng miêu tả của thơ trào phúng là gì?  Câu 2: Tác giả Trần Hoa Lê đã đề cập đến mấy loại giọng điệu tiếng cười? Đó là những giọng điệu nào?  Câu 3: Cách đùa cợt nhẹ nhàng cùng những yếu tố khác lạ phóng túng, phá vỡ các khuôn khổ quen thuộc là đặc điểm của giọng điệu nào?  Câu 4: Phủ nhận gay gắt đối tượng, thể hiện quan niệm nhân sinh, đạo đức của tác giả là đặc điểm của giọng điệu nào?  Câu 5: Ngoài việc đẩy lùi cái xấu, tiếng cười còn mang lại ý nghĩa nào?  Câu 6: Kể ít nhất 1 tác giả thơ trào phúng được đề cập trong văn bản.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Gợi ý**  1. Sự bất toàn của con người  2. 3 loại: hài hước, mỉa mai – châm biếm, đả kích  3. Hài hước  4. Đả kích  5. Hướng con người đến giá trị cao đẹp.  6. Nguyễn Khuyến/ Trần Tế Xương. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành

**b. Nội dung:** Hs trình bày suy nghĩ về ý kiến trong văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Hs thảo luận nhóm câu hỏi (lưu ý tách 2 câu trong nhận định để trình bày riêng)  *Trình bày cách hiểu của em về nhận định: “Tiếng cười trong văn chương nói chung, thơ trào phúng nói riêng thật phong phú và đa sắc màu như chính cuộc sống. Tiếng cười ấy thật cần thiết để đẩy lùi cái xấu, hướng mỗi con người đến những giá trị cao đẹp hơn”.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và hoàn thành các PHT  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **Gợi ý**  *- Tiếng cười trong văn chương nói chung, thơ trào phúng nói riêng thật phong phú và đa sắc màu như chính cuộc sống. (biểu hiện, đối tượng hướng đến của tiếng cười).*  🡪 Tiếng cười trong thơ trào phúng đa dạng, đó là cười những thói xấu của con người: thói tự mãn, kiêu căng, đạo đức giả, keo kiệt,...; đó còn là tiếng cười về sự tha hóa đạo đức gia đình và xã hội; tiếng cười tự trào – cười chính bản thân mình. Bên cạnh đó nó còn đa dạng về giọng điệu: có tiếng cười hài hước, lại có tiếng cười mỉa mai – châm biếm bên cạnh tiếng cười đả kích.  *- Tiếng cười ấy thật cần thiết để đẩy lùi cái xấu, hướng mỗi con người đến những giá trị cao đẹp hơn (ý nghĩa của tiếng cười).*  *🡪* Thơ trào phúng mang đậm màu sắc cuộc sống, phản ánh được những góc trần trụi của cuộc sống. Khác với thơ lãng mạn, thơ trào phúng dùng tiếng cười để xây dựng tư tưởng, tình cảm cho con người, chống lại cái xấu xa, lạc hậu, thoái hóa, rởm đời, hoặc để đả kích, vạch mặt kẻ thù, đánh vào những tư tưởng, hành động mang bản chất thù địch với con người. Vạch mâu thuẫn của sự vật – mâu thuẫn giữa cái bên ngoài và cái thực chất bên trong – để làm cho người đọc nhận thấy sự mỉa mai, trào lộng của sự vật là cách làm chủ yếu của thơ trào phúng; cho nên thơ trào phúng thường sử dụng lối nói phóng đại, so sánh, chơi chữ dí dỏm hay lời nói mát mẻ sâu cay. |

**IV. Phụ lục**

**Tiết theo PPCT: 51,52,53**

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (THƠ TRÀO PHÚNG)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- HS viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng): nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghe thuật được dùng trong tác phẩm

- HS có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hưởng tới những điều tiếp trong sa nghĩ và hành động

**b. Năng lực chung** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

**2. Về phẩm chất**

Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng

**3. Kiến thức**

Các bước viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b. Nội dung:** Hs chia sẻ về suy nghĩ, cảm nhận của bản thân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Kể tên một số nhà thơ trào phúng mà em đã học hoặc biết? Em ấn tượng với bài thơ nào nhất trong các sáng tác của các nhà thơ đó? Vì sao? (Gv giao cho Hs chuẩn bị câu hỏi này trước khi đến lớp)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, hỗ trợ  - HS suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS đọc, trình bày câu trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới: | Gợi ý:  - Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tú Mỡ, Hồ Xuân Hương,...  - Về bài thơ: Hs tự chia sẻ |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**(Tìm hiểu lý thuyết)**

**Hoạt động 1: Giới thiệu kiểu bài**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được kiểu bài

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu về kiểu bài

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) là kiểu bài như thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | **I. Tìm hiểu lí thuyết**  **1. Giới thiệu kiểu bài**  Cũng như phân tích một tác phẩm văn học, việc phân tích một bài thơ trào phúng cũng cần được triển khai theo hướng làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm (nghệ thuật trào phúng). |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và thực hiện được các yêu cầu đối với kiểu bài

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh thảo luận để tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | **I. Tìm hiểu lí thuyết**  **2. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài**  - Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.  - Phân tích được nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.  - Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng được thể hiện trong bài thơ.  - Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ. |

**Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**

Nhận biết các yêu cầu và thao tác, kĩ năng cần chú ý khi viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh phân tích bài viết mẫu

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của Hs, PHT

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *1) Hs đọc bài viết mẫu*  *2) Gv phát phiếu học tập số 1 để Hs phân tích bài viết tham khảo (thảo luận nhóm đôi)*   |  |  | | --- | --- | | *Phần MB nêu những nội dung gì?* |  | | *Phần Thân bài triển khai như thế nào?* |  | | *Phần Kết bài khẳng định điều gì?* |  |   *3) Em hãy đối chiếu bài viết mẫu với các yêu cầu khi viết bài văn phân tích viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng) xem bài viết mẫu đã đáp ứng được các yêu cầu đó chưa?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu lí thuyết**  **3. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **a. Đọc**  **b. Phân tích**   |  |  | | --- | --- | | *Phần MB nêu những nội dung gì?* | Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ | | *Phần Thân bài triển khai như thế nào?* | Triển khai theo trật tự trước – sau theo bố cục bài thơ; trong quá trình triển khai, phân tích nội dung trào phúng để làm rõ chủ đề của bài thơ, chỉ ra và phân tích tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng. | | *Phần Kết bài khẳng định điều gì?* | Khẳng định giá trị, ý nghĩa của tác phẩm. |   🡪 Đáp ứng được các yêu cầu về kiểu bài |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**(Thực hành viết theo các bước)**

**a. Mục tiêu**

HS bước đầu biết cách viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh viết bài

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các bước trước khi viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Xác định mục đích viết, người đọc?*  *+ Em dự định lựa chọn đề tài nào?*  *+ Hướng dẫn Hs tìm ý cho bài viết theo PHT số 2*  *+ Gv hướng dẫn hs sắp xếp phần tìm ý thành một dàn ý hoàn chỉnh theo PHT số 3a, 2b*  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét  **NV 2: Hướng dẫn học viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *HS viết bài, Gv lưu ý Hs một số điểm trong quá trình viết*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét  **NV3: Hướng dẫn học sinh chỉnh sửa bài viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Gv hướng dẫn hs chỉnh sửa bài viết*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét | **II. Thực hành viết theo các bước**  **Đề bài: Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  Liệt kê các bài thơ trào phúng mà em đã học hoặc đã đọc (gợi ý: Ông phỗng đá (Nguyễn Khuyến), Năm mới chúc nhau (Trần Tế Xương),…). Chọn trong số đó một bài thơ em cảm nhận rõ nhất tiếng cười trào phúng để phân tích.  **b. Tìm ý, lập dàn ý**  - Tìm ý theo PHT số 2  - Lập dàn ý theo PHT số 3a, 3b  **2. Viết bài**  - Triển khai các ý nhất quán theo phương án dàn ý đã chọn, tránh lẫn lộn giữa hai phương án. Việc triển khai nhất quán như vậy giúp cho bài viết được chặt chẽ và mạch lạc.  - Theo phương án 1, em hãy tham khảo cách triển khai mỗi ý theo trình tự sau: thuyết (thuyết minh, dẫn dắt để đảm bảo tính mạch lạc của bài viết) – dẫn (nêu dẫn chứng, câu thơ cần phân tích) – phân tích (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng). Theo phương án 2, bài phân tích cần tách bạch rõ hai phần: phân tích nội dung và phân tích hình thức nghệ thuật nên tập trung vào biện pháp nghệ thuật đặc sắc nhất của bài thơ.  - Chú ý làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ, không sa vào tóm tắt nội dung.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Đọc lại bài viết, căn cứ vào yêu cầu phân tích một bài thơ trào phúng và dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý để chỉnh sửa. Việc chỉnh sửa có thể thực hiện theo một số gợi ý sau:  - Kiểm tra xem các ý đã được triển khai theo logic nhất quán chưa, nếu chưa thì phải điều chỉnh lại các ý cho phù hợp.  - Rà soát xem bài viết đã chú ý phân tích một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trào phúng của bài thơ chưa. Nếu thiếu thì phải bổ sung.  - Đối chiếu quy mô và dung lượng thông tin giữa các ý. Ý nào cần trình bày quá dài hoặc quá nhiều thông tin thì cần rút gọn lại. Ngược lại, ý nào quá ngắn hoặc còn sơ sài thì cần bổ sung cho cân đối. |

**D. HOẠT ĐỘNG TRẢ BÀI**

**a. Mục tiêu**

- Khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

- Rút kinh nghiệm khi viết kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh nhắc lại yêu cầu của kiểu bài và rút kinh nghiệm

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh, bài làm của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *1) GV trả bài, gọi vài HS nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)*  *2) GV trình chiếu các yêu cầu của kiểu bài để HS đối chiếu với bài viết của bản thân, tự phát hiện ưu nhược điểm trong bài viết của mình.*  *3) GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, minh họa bằng một số ví dụ cụ thể (không nêu tên HS có bài viết được phân tích), rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.*  *4) Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn Chỉnh sửa bài viết trong SHS và các ý kiến nhận xét cụ thể của GV trong bài để rút kinh nghiệm và chỉnh sửa. Khuyến khích HS về nhà viết lại một bản mới với chính đề tài này.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Hoạt động trả bài**  **1. Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài**  - Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.  - Phân tích được nội dung trào phúng của bài thơ để làm rõ chủ đề.  - Chỉ ra được tác dụng của một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng được thể hiện trong bài thơ.  - Khẳng định được giá trị, ý nghĩa của bài thơ.  **2. Nhận xét về kết quả và chỉnh sửa bài viết**  - GV phân tích mặt mạnh và mặt yếu thể hiện qua bài làm của HS trong lớp: Bố cục bài viết chặt chẽ, mạch lạc, các ý thông suốt, có tính hô ứng...  - Nêu một số kiểu lỗi thường gặp ở nhiều bài và gợi ý cách khắc phục.  - Hướng dẫn HS dựa vào nhận xét chung ở trên và những chỗ GV đánh dấu, nhận xét cụ thể ở bài của cá nhân để tự chỉnh sửa. Đối chiếu để thấy bản chỉnh sửa có những ưu điểm gì so với bài trước đó. |

**IV. Phụ lục**

**PHT số 2: PHIẾU TÌM Ý**

**PHIẾU TÌM Ý**

**Họ và tên: ……………………………………………….……. Lớp: ………**

**Nhiệm vụ:** *Tìm ý cho bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)*

|  |  |
| --- | --- |
| *1. Tác giả của bài thơ là ai? Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?* |  |
| *2. Bố cục bài thơ gồm mấy phần? Đó là những phần nào? Nội dung chính của từng phần là gì?* |  |
| *3. Tiếng cười trào phúng trong bài thơ nhắm vào đối tượng cụ thể nào?* |  |
| *4. Tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật gì để tạo ra tiếng cười trào phúng?* |  |
| *5. Giá trị, ý nghĩa của tiếng cười trào phúng trong bài thơ là gì?* |  |

**PHT số 3a (Dàn ý theo phương án 1)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nhiệm vụ** | **Biểu hiện trong đề tài của em** |
| **Mở bài** | Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có) |  |
| **Thân bài**  (Phương án 1: Lần lượt phân tích theo bố cục bài thơ) | - Ý1: Câu thứ nhất...(nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng  - Ý2: Câu thứ nhất...(nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng  -... |  |
| **Kết bài** | Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. |  |

**PHT số 3b (Dàn ý theo phương án 2)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nhiệm vụ** | **Biểu hiện trong đề tài của em** |
| **Mở bài** | Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có) |  |
| **Thân bài**  (Phương án 2: Phân tích theo 2 phương diện nội dung và nghệ thuật) | - Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ (chỉ rõ đối tượng trào phúng của bài thơ, phân tích rõ lý do khiến đối tượng đó bị phê phán,…)  - Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ,… đã được sử dụng để tạo ra tiếng cười) |  |
| **Kết bài** | Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. |  |

**Tiết theo PPCT: 54**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**(Ý NGHĨA CỦA TIẾNG CƯỜI TRONG ĐỜI SỐNG)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Trong tư cách người nói, HS bày tỏ được ý kiến của minh về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống. Bài nói có luận đề và các luận điểm rõ ràng, có lí lẽ và bằng chứng xác đáng, giàu sức thuyết phục.

- Trong tư cách người nghe, HS thể hiện sự hiểu biết của mình về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống được người nói trình bày, có quan điểm riêng, sẵn sàng trao đổi với người nói để có được sự đồng thuận.

**b. Năng lực chung** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết

**2. Phẩm chất**

Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng

**3. Kiến thức**

Cách thảo luận ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống)

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Để nói về lợi ích của tiếng cười, ông bà ta hay dùng thành ngữ nào?*  *+ Theo em tiếng cười mang lại lợi ích gì cho chúng ta?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài: Như ánh mặt trời soi sáng, như không khí để thở, như nước để uống,...nụ cười có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong cuộc đời mỗi con người. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em hiểu hơn về vấn đề này. | Gợi ý:  - Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ.  - Lợi ích: Yêu đời, lạc quan, giảm stress, tăng cường miễn dịch, tốt cho tim mạch, tạo ra suy nghĩ, lối sống tích cực, làm việc hiệu quả, gắn kết các mối quan hệ,... |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trước khi thảo luận**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được mục đích thảo luận, người nghe

- Chuẩn bị được nội dung thảo luận

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *1) Em hãy xác định mục đích nói và người nghe*  *2) Gv gợi ý phần chuẩn bị nội dung thảo luận*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Trước khi nói**  **a. Xác định mục đích nói và người nghe**  - Mục đích nói: Trình bày ý kiến của em về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống để tìm sự chia sẻ, đồng tình của người nghe.  - Người nghe: những người có nhu cầu tìm hiểu ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống.  **b. Chuẩn bị nội dung nói**  - Xác định phạm vi trình bày (ý nghĩa của tiếng cười nói chung hay tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể, ví dụ: tiếng cười trào phúng, tiếng cười tán thưởng, tiếng cười vui mừng,…).  - Tìm những ý chính dự định sẽ trình bày trong bài nói:  + Tiếng cười đó nhằm tới đối tượng nào?  + Tiếng cười đó được biểu hiện như thế nào?  + Người tạo ra tiếng cười ấy muốn thể hiện điều gì?  + Đánh giá của em về ý nghĩa của tiếng cười đó.  - Từ các ý tìm được, lập dàn ý cho bài nói. |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:**

- Trong tư cách người nói, HS bày tỏ được ý kiến của minh về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống. Bài nói có luận đề và các luận điểm rõ ràng, có lí lẽ và bằng chứng xác đáng, giàu sức thuyết phục.

- Trong tư cách người nghe, HS thể hiện sự hiểu biết của mình về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống được người nói trình bày, có quan điểm riêng, sẵn sàng trao đổi với người nói để có được sự đồng thuận.

**b. Nội dung:** Hs trình bày bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Nội dung nói của Hs

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Gv định hướng một số nội dung khi trình bày bài nói*  *+ Hs tiến hành nói*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **II. Trình bày bài nói**  - Giới thiệu về tiếng cười nói chung (hoặc tiếng cười nhằm một mục đích cụ thể).  - Lần lượt trình bày từng nội dung theo dàn ý đã chuẩn bị, kèm lí lẽ và bằng chứng minh họa. Chú ý chọn ví dụ minh họa thích hợp (từ sách báo, phim, tranh ảnh,…)  - Nêu ý kiến đánh giá về ý nghĩa của tiếng cười. Chú ý phản ứng của người nghe để tìm kiếm sự đồng thuận hoặc sẵn sàng đối thoại. |

**Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *GV hướng dẫn Hs đánh giá bài nói*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **III. Trao đổi về bài nói**  Người nói và người nghe trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:  - Ý nghĩa của tiếng cười được đề cập trong bài nói có phù hợp với cuộc sống hiện nay không?  - Vấn đề được trình bày có ý nghĩa đối với những đối tượng cụ thể nào?  - Cách lập luận, dẫn dắt vấn đề, thái độ và khả năng tương tác với người nghe,… của người nói có thuyết phục không?  - Ý kiến trao đổi của người nghe có tác dụng làm rõ hơn hoặc bổ sung cho vấn đề người nói trình bày không? |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Hs thảo luận ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống)

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết, video

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Hs quay lại video bài nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | Hs quay video |

**IV. Phụ lục**

**CỦNG CỐ, MỞ RỘNG; THỰC HÀNH ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Củng cố tri thức Ngữ văn thơ trào phúng

- Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu thơ trào phúng

- Hs biết vận dụng kiến thức và kĩ năng được học qua văn bản 1 và văn bản 2 để thực hành đọc

**b. Năng lực chung** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phát hiện và có hướng ứng xử phù hợp với một vấn đề nảy sinh trong tình huống thực tiễn.

**2. Về phẩm chất**

Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng

**3. Kiến thức**

- Đặc điểm thơ trào phúng

- Khái quát các văn bản

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (ở nhà)**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố tri thức Ngữ văn thơ trào phúng

- Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu thơ trào phúng

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Hs trả lời các bài tập 1,2,3(chuẩn bị trước ở nhà)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Củng cố, mở rộng** |
| Câu 1: Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các nội dung phù hợp:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Văn bản | Thể thơ | Các phần trong bố cục bài thơ | Câu thơ tương ứng | | Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu |  |  |  | | Lai Tân |  |  |  |   Gợi ý   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Thể thơ** | **Các phần trong bố cục bài thơ** | **Câu thơ tương ứng** | | Lễ xướng danh khoa thi Đinh Dậu | Thất ngôn bát cú | Đề  – thực – luận – kết | - Đề:  Nhà nước ba năm mở một khoa  Trường Nam thi lẫn với trường Hà  - Thực:  Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ  Ậm ọe quan trường miệng thét loa  - Luận:  Cờ kéo rợp trời, quan sứ đến  Váy lê quét đất, mụ đầm ra  - Kết:  Nhân tài đất Bắc nào ai đó?  Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà! | | Lai Tân | Thất ngôn tứ tuyệt | Khởi – thừa – chuyển – hợp. | - Khởi: Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc.  - Thừa: Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh.  - Chuyển: Chong đèn, huyện trưởng làm công việc.  - Hợp: Trời đất Lai Tân vẫn thái bình. |   Câu 2: Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các thông tin phù hợp:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Văn bản | Đối tượng bị châm biếm, đả kích | Những cái xấu bị châm biếm đả kích | | Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu |  |  | | Lai Tân |  |  |   Gợi ý   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Văn bản | Đối tượng bị châm biếm, đả kích | Những cái xấu bị châm biếm đả kích | | Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu | Nhà nước thực dân phong kiến, sĩ tử và quan trường, người nước ngoài, nhân tài đất Bắc. | Chế độ thi cử mạt vận, hổ lốn, ô nhục của thời thực dân mới đặt chân cai trị đất nước ta | | Lai Tân | Bộ máy quan lại Lai Tân: ban trưởng, cảnh trưởng, huyện trưởng. | Tình trạng thối nát vô trách nhiệm của bọn quan lại ở Lai Tân. |   Câu 3: Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền các thông tin tương ứng:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Giọng điệu trào phúng | Đặc điểm của giọng điệu | Ví dụ minh họa (tên bài thơ, tác giả) | | Hài hước |  |  | | Mỉa mai – châm biếm |  |  | | Đả kích |  |  |   Gợi ý   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Giọng điệu trào phúng | Đặc điểm của giọng điệu | Ví dụ minh họa (tên bài thơ, tác giả) | | Hài hước | Là cách đùa cợt nhẹ nhàng cùng những yếu tố khác lạ, phóng túng, phá vỡ các khuôn khổ quen thuộc. | Tự trào – Phạm Thái | | Mỉa mai – châm biếm | Là cách tạo ra những yếu tố vô lý hoặc thiếu lô-gic, đảo lộn trật tự thông thường, tạo nên tiếng cười phê phán, thanh lọc những thói xấu như thói tự mãn, kiêu căng, đạo đức giả, keo kiệt,… | Hỏi thăm quan tuần mất cướp – Nguyễn Khuyến | | Đả kích | Thường mang giọng điệu phủ nhận gay gắt đối tượng, thể hiện quan niệm nhân sinh, đạo đức của tác giả. Đó có thể là những hình thức ngôn từ mang tính “mắng chửi” quyết liệt, có phần suồng sã, thô mộc, nhằm mục đích cảnh tỉnh sự tha hóa đạo đức đang diễn ra tràn lan trong xã hội. | Đất Vị Hoàng – Trần Tế Xương |   Câu 4: Tiếng cười trào phúng nhằm giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, đả kích những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa nhưng mục đích cao nhất của nó là hướng tới cuộc sống tốt đẹp hơn.  Em hãy nêu suy nghĩ của mình về ý kiến trên.  Gợi ý:  - Ý kiến trên đúng bởi nó đã khái quát được nghệ thuật của tiếng cười trào phúng. Các nhà văn, nhà thơ sử dụng nghệ thuật ấy nhằm tố cáo xã hội đương thời mục nát. những con người thực dụng nửa mùa, đưa tới những bài học giá trị nhân văn sâu sắc.  - Nghệ thuật trào phúng là nghệ thuật gây cười nhằm đả kích, châm biếm những hiện tượng xấu xa trong đời sống xã hội. Nó được biểu hiện qua việc xây dựng những mâu thuẫn trào phúng, nhân vật trào phúng, cảnh tượng trào phúng, ngôn ngữ trào phúng, giọng điệu trào phúng... | |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC (ở nhà)**

**a. Mục tiêu:**

- Hiểu thêm về chủ điểm 4

- Củng cố tri thức về thơ trào phúng

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *1) Xác định thể thơ của bài thơ Vịnh cây vông. Căn cứ vào đâu để em xác định như vậy*  *2) Theo em, đối tượng của tiếng cười trong bài thơ là đối tượng nào?*  *3) Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **II. Thực hành đọc**  **1. Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.**  - Thể thơ: Bài thơ viết theo thể thơ thất ngôn bát cú đường luật.  - Căn cứ xác định  + Số câu, số chữ trong câu: 8 câu, mỗi câu bảy chữ  + Bố cục:  . 2 câu đề  . 2 câu thực  . 2 câu luận  . 2 câu kết  + Luật bằng (căn cứ vào tiếng thứ hai của câu thứ nhất)  + Niêm: niêm giữa câu 2,3; 4,5; 6,7;1,8  + Gieo vần: chân (ở câu 1,2,4,6,8)  + Nhịp: chủ yếu nhịp 4/3  **2. Đối tượng của tiếng cười trào phúng.**  Quan lại bộ tham tri Hà Tôn Quyền triều Minh Mạng (1820-1840), trong bữa tiệc họ Hà mừng con thi đậu.  **3. Nghệ thuật**  **-** Mượn hình ảnh cây vông để châm biếm, đả kích bộ máy quan lại: cây vông mang ý nghĩa biểu tượng, là hình ảnh ẩn dụ cho Quan lại bộ tham tri Hà Tôn Quyền triều Minh Mạng. Đó là bộ máy quan lại bất tài, vô dụng.  🡪 Ẩn dụ |